

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
Giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ – CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ – CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại tờ trình số 73/SGTVT-TTr ngày 27 tháng 01 năm 2016 và ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 3963/STP - KSTTHC ngày 30/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định số 1864/QĐ – UBND ngày 22/4/2011; Quyết định số 6145/QĐ – UBND ngày 30/12/2011; Quyết định số 640/QĐ – UBND ngày 29 tháng 01 năm 2013; Quyết định số 2778/QĐ – UBND ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận,

huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP; (để báo cáo)
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- VP UBND TP: Các PVP, NC, TH, HC-TC;
- Công thông tin điện tử Thành phố; 2
- Website, Công báo;
- Lưu: VT, NC^(B).

3803 (130)

KT. CHỦ TỊCH 2
PHÓ CHỦ TỊCH 2



Nguyễn Quốc Hùng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG
VẬN TẢI HÀ NỘI**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
1	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia
2	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia
3	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam
4	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia
5	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
6	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
7	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia
8	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia
9	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
10	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
11	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
12	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
13	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
14	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác
15	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác
16	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
17	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
18	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép
19	Cấp phù hiệu xe nội bộ
20	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ
21	Cấp phù hiệu xe trung chuyển
22	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển
23	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt
24	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe

	kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt
25	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
26	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
27	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
28	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS
29	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
30	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
31	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
33	Xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng
34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
35	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý
36	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
37	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến
38	Chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh
39	Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh
40	Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh
41	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác là đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý.
42	Cấp Giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý (đối với đường quốc lộ được uỷ thác quản lý phải có ý kiến thoả thuận của Cục đường bộ Việt Nam).
43	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (nhóm B, C và các công trình xây dựng mới, sửa chữa chưa đến mức phải lập dự án) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương.
44	Cấp giấy phép lưu hành các loại xe tải đi vào phạm vi hạn chế hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội; Lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích trên đường bộ.
45	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, phố để dừng, đỗ xe ô tô.
46	Cấp mới giấy phép lái xe
47	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

48	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
49	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
50	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
51	Cấp lại Giấy phép lái xe
52	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.
53	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
54	Cấp mới Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3
55	Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3
56	Cấp mới Giấy phép đào tạo lái xe hạng A1, A2, A3, A4
57	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe hạng A1, A2, A3, A4
58	Cấp Giấy phép xe tập lái
59	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
60	Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô
61	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô
62	Cấp giấy phép lái xe quốc tế
63	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
64	Chấp thuận xây mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô
65	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện Trung Quốc
66	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY
1	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
2	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế
3	Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
4	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

5	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)
6	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)
7	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
8	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
9	Công bố lại cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
10	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.
11	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
12	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
13	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và ô tô.
14	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải
15	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông
16	Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam – Campuchia cho phương tiện thủy
17	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam
18	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam
19	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyên
20	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh
21	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
22	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác
23	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
25	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện

26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
27	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
28	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
29	Xóa đăng ký phương tiện
30	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ
31	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ.
32	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải
III. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM	
1	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

Thủ tục 1. Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đối với phương tiện thương mại

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu (Phụ lục 7A);

+ Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

+ Bản sao văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia).

- Đối với phương tiện phi thương mại

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu (Phụ lục 7B);

+ Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)



+ Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (trừ xe do người ngoại quốc tự lái). (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Quản lý vận tải đường bộ;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia.

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia để đi lại nhiều lần, mỗi lần không quá 30 ngày, có giá trị 01 năm kể từ ngày cấp nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia.

+ Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cấp cho phương tiện phi thương mại đi lại một lần và có thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí: 50.000đ/lần/phương tiện.

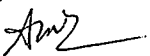
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có niên hạn sử dụng và có phù hiệu, biển hiệu theo quy định hiện hành.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thi hành một số điều của hiệp định và nghị định thực hiện hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



PHỤ LỤC 7A.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Tên doanh nghiệp/HTX
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

- Tên doanh nghiệp, HTX:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Số Fax:
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu Xuất-Nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện Biển kiểm soát..... thay thế phương tiện Biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
- c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải taxi:

đ) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại
Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)
Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:)
Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ngày

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7B.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax:
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày tháng năm
Đại diện đơn vị hoặc cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Thủ tục 2. Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đối với phương tiện thương mại

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu (Phụ lục 7A);

+ Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

+ Bản sao văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia).

+ Trường hợp bị mất Giấy phép liên vận phải có văn bản nêu rõ lý do.

+ Giấy phép cấp cho phương tiện thương mại hết hạn hoặc hư hỏng.

- Đối với phương tiện phi thương mại

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu (Phụ lục 7B);

+ Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)



+ Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (trừ xe do người ngoại quốc tự lái). (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)

+ Trường hợp bị mất Giấy phép liên vận phải có văn bản nêu rõ lý do.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Quản lý vận tải đường bộ;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia.

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia để đi lại nhiều lần, mỗi lần không quá 30 ngày, có giá trị 01 năm kể từ ngày cấp nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia.

+ Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cấp cho phương tiện phi thương mại đi lại một lần và có thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí: 50.000đ/lần/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có niên hạn sử dụng và có phù hiệu, biển hiệu theo quy định hiện hành.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thi hành một số điều của hiệp định và nghị định thực hiện hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Ar2

PHỤ LỤC 7A.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

- Tên doanh nghiệp, HTX:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Số Fax:
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu Xuất-Nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện Biển kiểm soát..... thay thế phương tiện Biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
- c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải taxi:

đ) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ngày

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7B.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax:
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày tháng năm
Đại diện đơn vị hoặc cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Any

Thủ tục 3. Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Phương tiện của Campuchia hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp) sẽ được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam (bản chính);
- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu tại (Phụ lục 8).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Quản lý vận tải đường bộ
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép liên vận được gia hạn.
- Thời hạn gia hạn: được gia hạn 01 (một) lần với thời gian không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thi hành một số điều của hiệp định và nghị định thực hiện hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;

PHỤ LỤC 8.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO XE CỦA CAMPUCHIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Campuchia
Company/Individual name applying for extension of Cambodia - Viet Nam Cross-border Transport Permit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - VIỆT NAM
APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

Kính gửi (To):

- Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*
- Địa chỉ: *(Address)*
- Số điện thoại: *(Tel No.)* Số Fax: *(Fax No.)*:
- Ngày cấp *(Date of issue)* Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:
 - Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam số: Ngày cấp ... Nơi cấp:

Có giá trị đến:
Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:.... Date of issue Issuing Authority... Date of expiry

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày tháng năm
Date of entry into Viet Nam: month year

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):
Proposed extended duration (choose one of the two following options):

+ Gia hạn Giấy phép liên vận:ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Extension for:days, from date month..... year to date month ... year

+ Gia hạn chuyến đi:ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm
Extension for Journey: days, from date ... month ... year ... to datemonth... year...

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Campuchia và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol implementation of the Road Transport Agreement Cambodia and Viet Nam).*

....., ngày *(date)* tháng *(month)* năm *(year)*....

Đại diện đơn vị *(Representative of the Company)*

Ký tên/Signature

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).



Thủ tục 4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan quản lý tuyến ra văn bản chấp thuận khai thác tuyến. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu (Phụ lục 9);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu (Phụ lục 10).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận khai thác tuyến có giá trị kể từ ngày ký và có thời hạn hiệu lực theo hiệu lực của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam – Campuchia.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu (Phụ lục 9);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo mẫu (Phụ lục 10).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ điều kiện về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thi hành một số điều của hiệp định và nghị định thực hiện hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia;



PHỤ LỤC 9.

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày... tháng... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
5. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia như sau:
Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):
Cự ly vận chuyển: km
Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia.

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 10.

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tải (nốt) trong ngày/tuần/ tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ

+ Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/HK.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/HK.

Giá vé	đồng/HK
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/HK
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/HK

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Xác nhận của Sở GTVT

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ tục 5. Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) đến cơ quan cấp Giấy phép [(Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với xe thương mại thuộc các đối tượng: xe vận tải hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa; xe phi thương mại thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội); Sở Giao thông vận tải địa phương (đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ xe phi thương mại thuộc các đối tượng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp); Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia (đối với xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương đó)].

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu;
+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Đối với xe phi thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 50.000đ/Giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại;

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu:

Tên đơn vị kinh doanh vận tải
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....số Fax:
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Giao thông vận tảichấp thuận khai thác tuyến tại công văn sốngày..... tháng..... năm

.....,Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ tục 6. Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Khi Giấy phép hết thời hạn, bị hư hỏng hoặc bị mất, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) đến cơ quan cấp Giấy phép [(Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với xe thương mại thuộc các đối tượng: xe vận tải hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa; xe phi thương mại thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội); Sở Giao thông vận tải địa phương (đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ xe phi thương mại thuộc các đối tượng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp); Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia (đối với xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương đó)].

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp lại Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu;
+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Đối với xe phi thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

e) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 50.000đ/Giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại;

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu:

Tên đơn vị kinh doanh vận tải
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....số Fax:
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Giao thông vận tảichấp thuận khai thác tuyến tại công văn sốngày..... tháng..... năm

.....,Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu:

Tên đơn vị/tổ chức đề nghị
cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN
PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX:

d) Mục đích khác:

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Thủ tục 7. Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia đến Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện gặp sự cố.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nêu rõ những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản gia hạn Giấy phép liên vận CLV và gửi cho tổ chức, cá nhân; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép liên vận CLV;
- Giấy đăng ký phương tiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản gia hạn.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị gia hạn.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày hết hạn.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.



Mẫu:

Tên doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép liên vận của Lào, Campuchia
Company name applying for extension of Laos, Cambodia Cross-border Transport Permit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV
APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA-LAOS-VIET NAM
CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....

2. Địa chỉ: *(Address)*Số Fax: *(Fax No.):*
.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.):*.....

Ngày cấp *(Date of issue)*..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*
.....

5. Đề nghị Sở GTVTgia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.):*.....

- Giấy phép liên vận CLV số: Ngày cấp ... Nơi cấp:..... Có giá trị đến:
.....

Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:... (Date of issue).... (Issuing Authority)....Date of expiry

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày thángnăm

Date of entry into Viet Nam:monthyear

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

Proposed to extend duration (choose one of the two following options):

+ Gia hạn giấy phép liên vận:ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Extension for:.....days, from date..... month..... year... ..to date..... month... year

+ Gia hạn chuyển đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm



Extension of Journey:days, from date... month... year... to date month... year...

7. Lý do đề nghị gia hạn (*The reasons for extension*):.....

.....

8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Republic of Vietnam on Road of Transport*).

..., ngày (Date).....tháng (month).....năm (year)...

Đại diện đơn vị (Representative of the Company)

Ký tên/Signature

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person)



Thủ tục 8. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia đến Sở Giao thông vận tải nơi có bến xe đi hoặc đến của tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận doanh nghiệp, hợp tác xã vào khai thác và xác nhận vào hợp đồng đối tác; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;

- Giấy đăng ký phương tiện hoạt động trên tuyến (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận.


5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ



d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí : Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.

Mẫu:

Tên đơn vị kinh doanh vận tải
Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại:..... số Fax:
 4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia như sau:
Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
Bến đi:.....Bến đến:
- Cự ly vận chuyển:..... km
Hành trình chạy xe:.....
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu:

Tên đơn vị kinh doanh vận tải ----- **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:đivà ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến tải (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc..... giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành:km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:.....đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lượt về từ Bến xe đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

.....
.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:đồng/HK.

- Giá vé chặng (nếu có):đồng/HK.

Giá vé	đồng/HK
Trong đó:	

- Giá vé (*)	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/HK
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/HK

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ánh

Thủ tục 9. Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải); Sở Giao thông vận tải (đối với phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng còn lại đóng trên địa bàn địa phương; đối với các Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào theo quy định tại Nghị định thư còn được cấp Giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý) (sau đây gọi là cơ quan cấp phép).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép cấp phép liên vận Việt - Lào; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).
- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);
 - + Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).
- b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý vận tải đường bộ.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép liên vận Việt - Lào.

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn kết thúc công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.

Riêng đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch, Giấy phép liên vận Việt - Lào được cấp theo thời hạn chuyến đi nhưng tối đa không quá 30 ngày.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện phi thương mại có thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp.

Riêng đối với xe công vụ, Giấy phép liên vận Việt - Lào có thể cấp theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm.

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 50.000đ/lần/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



Mẫu:

Tên doanh nghiệp/HTX
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN
KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp, HTX:.....
- Địa chỉ :
- Số điện thoại:.....Số Fax:
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:

b) Khách du lịch :

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hoá :

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:.....đi.....và ngược lại

Bên đi: Bên xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam)

Bên đến: Bên xe.....(thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình tuyến đường:

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ngày

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.lawsoft.vn

Mẫu: Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào

Tên đơn vị/cá nhân
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ :
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép.....
(đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biên số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ :

b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác :

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
hoặc cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Amz

LawSoft * Tel: +84-8-350 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 10. Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Khi Giấy phép liên vận Việt - Lào hết hạn hoặc bị hư hỏng, bị mất, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải); Sở Giao thông vận tải (đối với phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng còn lại đóng trên địa bàn địa phương; đối với các Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào theo quy định tại Nghị định thư còn được cấp Giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý) (sau đây gọi là cơ quan cấp phép).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):
 - + Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).
- + Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng .



- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

+ Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

+ Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép liên vận Việt - Lào.

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn kết thúc công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.

Riêng đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch, Giấy phép liên vận Việt - Lào được cấp theo thời hạn chuyến đi nhưng tối đa không quá 30 ngày.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện phi thương mại có thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp.

Riêng đối với xe công vụ, Giấy phép liên vận Việt - Lào có thể cấp theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm.

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 50.000đ/lần/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



Mẫu:

Tên doanh nghiệp/HTX
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN
KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp, HTX:.....
- Địa chỉ :
- Số điện thoại:.....Số Fax:
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
- Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:

b) Khách du lịch :

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hoá :

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:.....đi.....và ngược lại

Bên đi: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam)

Bên đến: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình tuyến đường:

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ngày

....., ngày tháng năm

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

AW

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.LawPhapLuat.vn

Mẫu: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào

Tên đơn vị/cá nhân
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ :
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đồng thời với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ :

b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác :

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
hoặc cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

www.FinnVienPhapLuat.vn
Tel: 84-930 3279
LawSoft

Thủ tục 11. Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép và thời gian lưu hành cho phương tiện đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện gặp sự cố.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện của Lào, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong Giấy phép liên vận Lào - Việt; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy phép liên vận Lào - Việt (bản chính);
- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép liên vận Việt – Lào được gia hạn.
- Hiệu lực của Giấy phép: Được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Lào
Company/Individual name
applying for extension of Laos -
Viet Nam Cross-border
Transport Permit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT
APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM
CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....
2. Địa chỉ: *(Address)*
3. Số điện thoại: *(Tel No.)*..... Số Fax: *(Fax No.)*:
- Ngày cấp *(Date of issue)* Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*.....
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:
 - Giấy phép liên vận Lào - Việt số: Ngày cấp ... Nơi cấp: Có giá trị đến:

Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:...Date of issue.....Issuing Authority...Date of expiry.....

 - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày tháng năm
 - Date of entry into Viet Nam: month year*
 - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):
Proposed extended duration (choose one of the two following options):
 - + Gia hạn Giấy phép liên vận:ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm
Extension for:days, from date month yearto datemonth ... year
 - + Gia hạn chuyến đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm
Extension for Journey : days, from date ... month ... year ... to datemonth ... year
5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:.....
6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents)*.
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese*

Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam).

....., ngày (date).....tháng (month).....năm (year)....

Đại diện đơn vị (Representative of the Company)

Ký tên/Signature

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền

(Driver, vehicle owner or authorized person).



Thủ tục 12. Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi xây dựng: Đơn vị đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ gửi văn bản đề nghị chấp thuận vị trí xây dựng đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ và UBND cấp tỉnh đối với các trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường địa phương (trừ các trạm dừng nghỉ được coi là một hạng mục công trình nằm trong dự án xây dựng đường cao tốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

- Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ) hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý).

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;
- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ;
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;
- Biên bản nghiệm thu xây dựng;
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ;
- Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác;
- Thời hạn của Quyết định: 03 năm.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

guz

Mẫu:

.....(2).....

Số: /.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do.....cấp ngày ..
...tháng..... năm

Đề nghị kiểm tra đề đưa trạm dừng nghỉ(3)..... thuộc
tỉnh:(4)..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....

- Địa chỉ:(5).....

- Tổng diện tích đất: (6).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị(1).... công
bố đưa Trạm dừng nghỉ....(3).... đạt loại:.....(7):..... và được đưa vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối
với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi tên tỉnh

(5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ

(6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ

(7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Mẫu:

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ**

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ(3).....như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Theo quy định kỹ thuật của TDN loại ... (4) ...	Theo thực tế
1	Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)	M ²		
2	Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	M ²		
3	Đường xe ra, vào			
4	Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện			
5	Trạm cấp nhiên liệu			
6	Mặt sân khu vực bãi đỗ xe			
7	Khu vệ sinh	M ²		
8	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	M ²		
9	Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi)	M ²		
10	Nơi cung cấp thông tin			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi: (1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Thủ tục 13. Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ) hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý).

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố tiếp tục đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Báo cáo kết quả hoạt động theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác;
- Báo cáo kết quả hoạt động.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

Mẫu:

.....(2).....

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:.....(2):.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày
...tháng..... năm

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: ..(3).... theo quyết định
công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của(1)..
thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc
gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị(1)....tiếp tục công bố đưa trạm dừng
nghỉ.....(3).... đạt loại:(4):..... vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Mẫu:

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: (1)

..... (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3).... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của (1) thời gian được phép khai thác từ ngày tháng năm đến ngày... tháng.... năm

..... (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

I. Kết quả kinh doanh khai thác.

1. Tổng số phương tiện vào trạm: (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)
- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)
- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)
- Xe tải: (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: lượt xe và lượt khách vào trạm.

Trong đó có: xe con;xe khách trên 30 ghế; xe khách dưới 30 ghế và xe tải.

II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:


IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

 59

VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:

Ý kiến của Sở GTVT địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện đơn vị khai thác trạm
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) *Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*
- (2) *Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*
- (3) *Ghi tên trạm dừng nghỉ*
- (4) *Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*



Thủ tục 14. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị khai thác bến xe nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe khách.

- Sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu;
- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra vào bến xe khách với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật bến xe khách;
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;
- Biên bản nghiệm thu xây dựng;
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn bến xe khách với các công trình của bến xe khách theo mẫu;
- Giấy phép kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác bến xe khách;
- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị khai thác bến xe khách ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý vận tải đường bộ
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.
- Thời hạn của Quyết định: 3 năm.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác;
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của bến xe khách.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.



Mẫu:

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do.....cấp ngày
....tháng..... năm

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách.....(3).....Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....

- Địa chỉ:(4).....

- Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45: 2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị(1)....công bố Bến xe khách....(3).... đạt quy chuẩn Bến xe loại:.....(6)... và được đưa vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

Mẫu:

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng..... năm

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách(3).....như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ...(4)...	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m ²		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	Vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	Vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m ²		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m ²		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m ²		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	Chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Thủ tục 15. Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh, khai thác bến xe khách nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có bến xe khách đề nghị công bố, xếp loại lại.
- Bến xe khách phải được đề nghị công bố lại trong các trường hợp:
 - + Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách;
 - + Trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày (thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác).

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe khách.
- Sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố tiếp tục đưa bến xe khách vào khai thác.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý vận tải đường bộ
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ
- d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.
- 7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Phù hiệu xe trung chuyển .
- 8. Phí, lệ phí:** 2800đ/phù hiệu.
- 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.
- 10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
- 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
 - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Amg

Mẫu:

Tên đơn vị vận tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.



Mẫu:

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA
KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2).....

Sở GTVT ...(1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ...(2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)...chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.



LawSoft * Tel: +84-8-35363279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 22. Cấp lại phù hiệu xe trung chuyên

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe trung chuyên đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Bản sao công bố tuyển, chấp thuận khai thác tuyển của cơ quan quản lý tuyển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

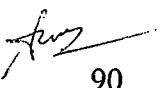
- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội



b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe trung chuyên .

8. Phí, lệ phí: 2800đ/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu:

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHÙ HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.



Mẫu:

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA
KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2).....

Sở GTVT ... (1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ... (2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

LawSoft * Tel: +84-8-3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 23. Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Khi phù hiệu bị mất, bị hỏng, trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì phải có xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia

kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu.

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách ăng xe buýt; xe nội bộ; xe trung chuyển.

8. Phí, lệ phí: 2800đ/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

www.ThuVipPhapLuat.vn
Tel: +84-8-3930 42 42

19AW 50

Mẫu:

Tên đơn vị vận tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp

.....

Số lượng phù hiệu chạy xe nộ lại:.....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuPhapLuat.vn

Quyết định. Thời hạn của Quyết định là 3 năm.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách.
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của bến xe khách.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

Handwritten signature

Mẫu:

.....(2).....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:.....(2):.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do.....cấp ngày
.....tháng..... năm

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ..(3).... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị(1)....tiếp tục công bố đưa Bến xe khách.....(3).... đạt loại:(4):.....vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

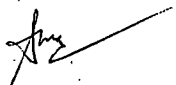
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố



Thủ tục 16. Công bố bến xe hàng vào khai thác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh bến xe hàng gửi hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải tại địa phương nơi có bến xe hàng được đề nghị công bố.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 57 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

- Trường hợp bến xe không đáp ứng các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng thì cơ quan kiểm tra phải ghi rõ nội dung không đáp ứng và thông báo bằng văn bản với đơn vị khai thác bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác theo mẫu;

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng.

- Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng theo quy định.

- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Mẫu:

Tên doanh nghiệp, HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA.....(tên bến xe hàng).....vào khai thác

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số.....
do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT.....kiểm tra, xác nhận và công bố đưa.....(tên bến xe hàng)..... thuộc tỉnh:..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:.....
- Địa chỉ:(1).....
- Tổng diện tích đất: (2).....

....(tên đơn vị).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

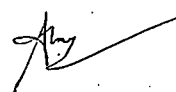
- Như trên;

- Lưu...

Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.
- (2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng



Thủ tục 17. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi là cơ quan cấp Giấy phép).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu;
- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải;
- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;
- Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ);
- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Phí, lệ phí: 200.000đ/lần/Giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.



Mẫu:

Tên đơn vị
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:.....
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)



Thủ tục 18. Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi là cơ quan cấp Giấy phép).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh kiểm tra, xác minh, cấp lại Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh, hồ sơ gồm:
+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu;
+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;
+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh hết hạn, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;
+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;
+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;
+ Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;
+ Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.
- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Phí, lệ phí: 50.000đ/lần/Giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.



Mẫu:

Tên đơn vị
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:.....
do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

.....
.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)



Thủ tục 19. Cấp phù hiệu xe nội bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe nội bộ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.
- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe nội bộ.

8. Phí, lệ phí: 2.800đồng/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.



Mẫu:

Tên đơn vị vận tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

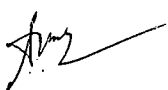
1. Tên đơn vị vận tải:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Số điện thoại (Fax):.....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp: (1).....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến cố định (Hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.



Mẫu:

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA
KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2).....

Sở GTVT ... (1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ... (2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 20. Cấp lại phù hiệu xe nội bộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe nội bộ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.
- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ
d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe nội bộ.

8. Phí, lệ phí: 2.800đ/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.



Mẫu:

Tên đơn vị vận tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHÙ HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.



Mẫu:

Sở GTVT...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA
KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT...(2).....

Sở GTVT ... (1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ... (2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)...chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

Thủ tục 21. Cấp phù hiệu xe trung chuyển

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe trung chuyển đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Bản sao công bố tuyển, chấp thuận khai thác tuyển của cơ quan quản lý tuyển.


b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:



Mẫu:

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA
KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2).....

Sở GTVT ...(1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ...(2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

Thủ tục 24. Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì phải có xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia

kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu.

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

8. Phí, lệ phí: 2800đ/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu:

Tên đơn vị vận tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp
.....

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyên cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.



Mẫu:

Sở GTVT:..(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA
KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: Sở GTVT..(2).....

Sở GTVT ...(1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ...(2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

Thủ tục 25. Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (gửi kèm theo 01 bộ hồ sơ gồm: 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy, bảng kê theo mẫu; 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, Bảng kê theo mẫu;

- 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải; ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của

Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký (đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính);

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch;

- Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch có giá trị theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kinh doanh vận tải và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.

8. Phí, lệ phí: 2800đ/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch;

- Bảng kê.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Xe ô tô vận tải khách du lịch phải bảo đảm nội thất và tiện nghi như sau:

+ Xe ô tô dưới 09 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;

+ Xe ô tô từ 09 chỗ đến dưới 24 chỗ, ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này còn phải trang bị thêm: rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;

+ Xe ô tô từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan), ngoài các quy định tại Điểm b Khoản này còn phải trang bị thêm micro, ti vi, nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

+ Xe ô tô vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyên đổi công năng không được hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch.

- Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

+ Phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với lái xe và phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch;

+ Phải thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận tải khách du lịch phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch (trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên).

- Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

+ Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.

+ Có biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của khách du lịch trong quá trình vận chuyển; mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.



Mẫu:

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

.....,ngày.....tháng.....năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP BIÊN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở:.....

Trang thông tin điện tử.....

Tên đăng nhập Mật khẩu truy cập.....

Số điện thoại:Fax: Email.....

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số..... do... cấp ngày...../...../.....

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1...

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Thủ tục 26. Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (gửi kèm theo 01 bộ hồ sơ gồm: 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy, bảng kê theo mẫu; 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp lại biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;
- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, Bảng kê theo mẫu;
- 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải; ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký (đối với những

phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính);

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp lại biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.

8. Phí, lệ phí: 2800đ/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch;

- Bảng kê.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Xe ô tô vận tải khách du lịch phải bảo đảm nội thất và tiện nghi như sau:

+ Xe ô tô dưới 09 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;

+ Xe ô tô từ 09 chỗ đến dưới 24 chỗ, ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này còn phải trang bị thêm: rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;

+ Xe ô tô từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan), ngoài các quy định tại Điểm b Khoản này còn phải trang bị thêm micro, ti vi, nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

+ Xe ô tô vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyên đổi công năng không được hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch.

- Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

+ Phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với lái xe và phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch;

+ Phải thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận tải khách du lịch phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch (trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên).

- Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

+ Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.

+ Có biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của khách du lịch trong quá trình vận chuyển; mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.



Mẫu:

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP BIÊN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở:.....

Trang thông tin điện tử.....

Tên đăng nhập Mật khẩu truy cập.....

Số điện thoại: Fax: Email.....

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số..... do... cấp ngày...../...../.....

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Phương tiện đề nghị cấp biên hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1...

2...

.....

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

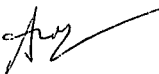
Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biên hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Mẫu:

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:...../.....
.....,ngày.....tháng.....năm.....

BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở:.....

Số điện thoại: (Fax):.....

Loại xe	Biển số	Mã usơn	Tên hiệu xe	Số khung	Số máy	Năm SX	Thông tin và trang thiết bị													
							(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Dưới 9 chỗ	...																			
Từ 9 đến dưới 24 chỗ																			
Trên 24 chỗ																			

- (1): Điều hòa nhiệt độ;
- (2): Thùng chứa đồ uống;
- (3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;
- (4): Túi thuốc dự phòng;
- (5): Bình chữa cháy;
- (6): Dụng cụ thoát hiểm;
- (7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;
- (8): Rèm cửa chống nắng;
- (9): Bảng hướng dẫn an toàn;
- (10): Thùng đựng rác;
- (11): Micro;
- (12): Ti vi;
- (13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;
- (14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GTVT.....;
- Sở VHTTDL(Sở Du lịch);

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Thủ tục 27. Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trong thời gian sử dụng, nếu biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch;

- Thời hạn sử dụng biển hiệu cấp đổi tính theo thời hạn còn lại của biển hiệu đã bị mất hoặc hỏng.

8. Phí, lệ phí: 2800đ/phù hiệu.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.....tháng.....năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Trụ sở:.....

Trang thông tin điện tử.....

Tên đăng nhập Mật khẩu truy cập.....

Số điện thoại:Fax:Email.....

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số..... do... cấp ngày...../...../.....

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1...

2...

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 28. Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép và thời gian lưu hành đến Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong sổ theo dõi hoạt động của phương tiện; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện (bản chính);
- Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện (bản chính);
- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện được gia hạn;

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng;

- Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT hướng dẫn một số điều Hiệp định

Mẫu:

Tên đơn vị, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS.

Company, individual applying for extension of GMS Transport Permit.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ GMS
APPLICATION
FOR EXTENDING OF GMS ROAD TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....
2. Địa chỉ: *(Address)*
3. Số điện thoại: *(Tel No.)*..... Số Fax: *(Fax No.)*:
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of GMS Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:
 - Giấy phép vận tải đường bộ GMS số: Ngày cấp ... Nơi cấp: Có giá trị đến
 - GMS Road Transport Permit No.:..... (Date of issue).....(Issuing Authority)...Date of expiry.....*
 - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày tháng năm
Date of entry into Viet Nam: date ... month year
 - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):
Proposed extended duration (choose one of the two following options):
 - + Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS:ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Extension for GMS Road Transport Permit:days, from date..... month yearto datemonth ... year
 - + Gia hạn chuyến đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm
Extension for Journey : ... days, from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...
5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:.....
6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending GMS Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the GMS provisions*).

....., ngày (date).....tháng(month).....năm (year)....

Đại diện đơn vị/ Cá nhân (Representative of the Company/Individual)

Ký tên/Signature

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền (Driver,
vehicle owner or authorized person).



Thủ tục 29. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (1);

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng (2);

- Trường hợp chủ sở hữu mất một trong những giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng thì phải nộp thêm bản cam đoan theo mẫu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có)

Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

8. Phí và lệ phí: Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000đ/lần cấp/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được ủy quyền thì phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Ghi chú:

(1) Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:

- Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

- Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

- Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

- Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);

- Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

- Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

- Lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực.

Trường hợp mua bán hoặc cho, tặng qua nhiều người, khi làm thủ tục đăng ký, chỉ cần chứng từ mua bán, cho, tặng lần cuối cùng.

(2) Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

- Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);

- Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

- Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo, ngoài chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá số đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này (các loại giấy tờ nêu trên là bản chính);

- Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
 Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú:.....
 Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
 Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú:.....
 Loại xe máy chuyên dùng:..... Màu sơn:.....
 Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:.....
 Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
 Số động cơ:..... Số khung:.....
 Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng:.....
 Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 Đề nghị Sở Giao thông vận tải xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên
 dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....
 Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

(Dán trả số khung)

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc
 - Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp:.....
 Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
 - Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
 - Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu:

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất

Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng.....

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:...

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....

+.....

+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.

Thủ tục 30. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính...

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn theo mẫu (bản chính);

- Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam;

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

+ Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính); hoặc

+ Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực). Trường hợp không có chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng chủ sở hữu phải nộp thêm bản cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải hoặc cơ quan đơn vị được Sở Giao thông vận tải ủy;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng và biển số.

8. Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đ/lần cấp/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có Giấy uỷ quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN

Tên chủ sở hữu:.....
Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....
Ngày cấp:.....Cơ quan cấp.....
Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:.....
Trụ sở giao dịch:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số có thời hạn cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

..., ngày.....tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

(Dán trả số khung)

Biển số đề nghị cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu:

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:...

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....
+.....
+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

* Ghi chú:

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.



Thủ tục 31. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có xe máy chuyên dùng đã cải tạo, thay đổi màu sơn hoặc Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số bị hỏng nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả.

- Sở Giao thông vận tải cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);
- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản chính);
- Biển số xe máy chuyên dùng (trường hợp biển số bị hỏng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện : Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

8. Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đ/lần cấp/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn: Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký biển số xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIÊN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải.....
cấp đăng ký, biên số ngày.....tháng.....năm.....
Biên số đã đăng ký:
Lý do xin đổi, cấp lại:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp cho chiếc xe máy chuyên
dùng khai trên

...ngày tháng..... năm.....
Người khai ký tên

Phân ghi của Sở Giao thông vận tải :

(Dán trả số động cơ)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

(Dán trả số khung)


- Cấp theo Số biển số cũ:cấp đổi

cấp lại ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT
(Ký tên, đóng dấu)



Thủ tục 32. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ phương tiện.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc biển số.

8. Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đ/lần cấp/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn: Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu ủy quyền phải có Giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có Giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải.....
cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng.....năm.....
Biển số đã đăng ký:
Lý do xin đổi, cấp lại:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp cho chiếc xe máy chuyên
dùng khai trên
...ngày tháng..... năm.....
Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

** chỉ dán trả số động cơ của máy chính*

- Cấp theo Số biển số cũ:cấp đổi cấp lại ngày.....tháng.....năm.....

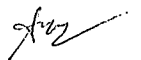
Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:*

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.



Thủ tục 33 . Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số; xoá số đăng ký và xác nhận vào tờ khai của chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);
- Nộp giấy chứng nhận đăng ký và biển số.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) có xác nhận của Sở Giao thông vận tải.

8. Phí và lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn: Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng;

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục xoá số đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có Giấy uỷ quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND, hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Hiện đã có giấy chứng nhận đăng ký, biển số là:.....
Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
Lý do xin xoá sổ đăng ký:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị.....xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.
....., ngày.....tháng.....năm.....
Người khai ký

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biển số:.....Ngày cấp:.....Số đăng ký quản lý.....Ngày xoá sổ:...../...../.....
Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày...../...../.....
Lưu hồ sơ xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

- Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản: - Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản; Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá sổ 01 bản.

Thủ tục 34. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả.

- Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có)

Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.

8. Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 700.000 đ/lần cấp/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn: Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng tạm thời.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu ủy quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Giấy tờ kèm theo, gồm có:
+.....
+.....
+.....
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
....., ngày.....tháng.....năm.....
Người khai ký

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời:.....
Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT
(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;
- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.



Thủ tục 35. Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả; làm thủ tục sang tên chủ sở hữu cho chủ phương tiện. Trường hợp không chấp thuận sang tên phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);
- Một trong các chứng từ xác định quyền sở hữu sau đây:
 - + Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Trường hợp thiếu một trong những giấy tờ trong hồ sơ sang tên đăng ký thì phải nộp thêm tờ cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

8. Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đ/lần cấp/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Tờ cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu ủy quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Amz

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
 Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú:.....
 Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
 Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú:.....
 Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....
 Nhân hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:
 Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
 Số động cơ:.....Số khung:.....
 Kích thước bao (dài x rộng x cao): Trọng lượng:.....
 Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên
 dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....
 Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu

- Mất chứng từ gốc

- Số biển số cũ: (nếu có):.....**Biển số đề nghị cấp:**

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)



Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:...

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do:.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....
+.....
+.....

Lý do:.....

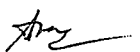
Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.



Thủ tục 36. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phiếu di chuyển phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);
- Một trong các chứng từ xác định quyền chủ sở hữu xe máy chuyên dùng sau đây:
 - + Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);
 - + Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
 - + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).
- Trường hợp di chuyển không thay đổi chủ sở hữu, trong hồ sơ di chuyển không phải nộp chứng từ xác định quyền sở hữu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

8. Phí và lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn:

Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

- Người làm thủ tục di chuyển đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ



Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):.....
Địa chỉ thường trú:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Hiện đã mua, được cho, tặng hoặc thừa kế chiếc xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Biển số đăng ký :.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....
Nơi cấp.....

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải.....để được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:.....
đến Sở Giao thông vận tải:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục Trưởng Phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT
(Ký, ghi rõ họ và tên) (ký, ghi rõ họ và tên) (ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản: - 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;
- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.



Thủ tục 37. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ xe máy chuyên dùng di chuyển đến và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu).

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra xe máy chuyên dùng và cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát - Ba Đình - Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);
- Hồ sơ di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng bao gồm toàn bộ giấy tờ đã kê trên Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp mất một trong những giấy tờ đã kê trong Phiếu di chuyển thì phải nộp thêm bản cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

8. Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đ/lần cấp/phương tiện.

9. Tên mẫu đơn:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

10. Yêu cầu thực hiện TTHC:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được ủy quyền thì phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
Số động cơ:.....Số khung:.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao): Trọng lượng:.....
Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....
Người khai ký tên


Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc
- Số biển số cũ: (nếu có):.....**Biển số đề nghị cấp:**
Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)



Mẫu:

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất

Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng.....

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:...

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do:.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....

+.....

+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 38. Chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi giảm tần suất chạy xe trên tuyến ít nhất 10 ngày, doanh nghiệp, hợp tác xã phải gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp phù hiệu.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến; đồng thời cập nhật các thông tin về việc giảm tần suất chạy xe trên tuyến vào nội dung niêm yết trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Sau thời điểm giảm tần suất chạy xe chậm nhất 05 ngày làm việc, doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lại phù hiệu của các xe ngừng khai thác trên tuyến cho Sở Giao thông vận tải nơi cấp. Trước khi doanh nghiệp, hợp tác xã giảm tần suất chạy xe ít nhất 03 ngày, bến xe hai đầu tuyến có trách nhiệm thông báo công khai tại bến xe.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Văn thư của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh nội tỉnh theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Văn bản đề nghị giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Mẫu:

Tên doanh nghiệp, HTX:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TRÊN TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ...(tên cơ quan cấp).... cấp
ngày...../...../.....

5. Đăng ký giảm tần suất chạy xe tuyến: Mã số tuyến:.....

Nơi đi:..... Nơi đến:.....(1)

Bến đi:..... Bến đến:.....

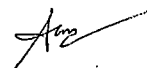
Cự ly vận chuyển:.....km

Hành trình chạy xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh).



Thủ tục 39. Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe đến Sở Giao thông vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyến phía bên kia để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Hết thời hạn trên nếu không có văn bản trả lời thì coi như Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến đã đồng ý với nội dung đăng ký khai thác tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản chấp thuận gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bên xe hai đầu tuyến. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Văn thư của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến hoặc điều chỉnh tăng tần suất chạy xe theo nguyên tắc: giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước trong các trường hợp sau:

- Khi cơ quan có thẩm quyền công bố, điều chỉnh quy hoạch;
- Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng tần suất chạy xe.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.



Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYỂN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ...*(tên cơ quan cấp)*.... cấp
ngày...../...../.....
5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
Bến đi:..... Bến đến:.....
Cự ly vận chuyển:.....km
Hành trình chạy xe:.....
6. Công văn chấp thuận khai thác số:...../..... do..... *(ghi tên cơ quan cấp)*cấp
ngày.../.../...(3)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác/ tăng tần suất chạy xe.
- (2) Ghi tên tỉnh,
- (3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn



Mẫu:

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					

2.					
...					

b) **Chiều về: xuất bến tại:**.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

Mẫu:

Tên doanh nghiệp, HTX:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng..... theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạngcủa Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

Thủ tục 40. Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe đến Sở Giao thông vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ra văn bản chấp thuận gửi doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Văn thư của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến hoặc điều chỉnh tăng tần suất chạy xe theo nguyên tắc: giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước trong các trường hợp sau:

- Khi cơ quan có thẩm quyền công bố, điều chỉnh quy hoạch;

- Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng tần suất chạy xe.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.



Mẫu:

Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ...(tên cơ quan cấp).... cấp ngày...../...../.....
5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
Bến đi:..... Bến đến:.....
Cự ly vận chuyên:.....km
Hành trình chạy xe:.....
6. Công văn chấp thuận khai thác số:...../..... do..... (ghi tên cơ quan cấp)cấp ngày.../.../...(3)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác/ tăng tần suất chạy xe.
- (2) Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe.
- (3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

Mẫu:

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:**.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....

b) **Chiều về: xuất bến tại:**.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lý hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) **Chiều đi: xuất bến tại:**.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					

2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất

- Số lượng xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu:

Tên doanh nghiệp, HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hàng..... theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 41. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác là đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý.

1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, các nhân nộp hồ sơ tại Phòng chuyên môn của Sở

- Cán bộ phòng kiểm tra hồ sơ, lập giấy hẹn trả tại phòng chuyên môn Sở.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại phòng chuyên môn và kiểm tra hiện trường

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình của Chủ đầu tư

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thiết kế, Quyết định phê duyệt, các tài liệu liên quan như: thoả thuận quy hoạch, các thoả thuận cấp nước, thoát nước, điện lực...

- Quyết định công nhận đơn vị trúng thầu, Hợp đồng thi công.

- Biện pháp thi công, tiến độ thi công, Quyết định phân luồng tổ chức giao thông (đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn giao thông)

* Trường hợp khách quan, có lý do phù hợp với thời gian đã thi công giấy phép quá hạn; chủ đầu tư có công văn đề nghị gia hạn xin giấy phép.

* Trường hợp giải quyết sự cố: cấp, thoát, nước, chiếu sáng, điện lực, thông tin... hồ sơ gồm có: Giấy báo sự cố, bản vẽ sơ hoạ vị trí xin xử lý sự cố.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp mới: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ hợp lệ.

- Trường hợp gia hạn: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp giải quyết sự cố: 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào hè, đào đường

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 10.000đồng/01 giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/05/2011 của Bộ GTVT về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

- Quyết định số 04/2006/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2006 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy định về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ;
- Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 16/4/2008 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về việc quản lý và sử dụng hè phố, lòng đường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của UBND Thành phố Hà Nội v/v Ban hành Quy định về quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế-xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 7463/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt danh mục các tuyến phố giao Sở Giao thông vận tải quản lý đồng bộ vỉa hè, lòng đường phục vụ công tác tổ chức giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 2/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/03/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà nội;
- Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 24/08/2009 của UBND TP.HN v/v quản lý ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hà nội.
- Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2015.



LawSoft
 Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT
ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1)

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH
Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi:(4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5.);

(...2...) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ...tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính)..

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

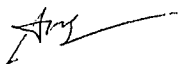
-Như trên;

-

-

- Lưu VT.

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.



Thủ tục 42. Cấp Giấy phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được uỷ thác quản lý (đối với đường quốc lộ được uỷ thác quản lý phải có ý kiến thoả thuận của Cục đường bộ Việt Nam).

1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, các nhân nộp hồ sơ tại Phòng chuyên môn của Sở

- Cán bộ phòng kiểm tra hồ sơ, lập giấy hẹn trả tại phòng chuyên môn Sở.

2. Cách thức thực hiện: Nộp Trực tiếp tại phòng chuyên môn và kiểm tra hiện trường

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Công văn xin phép đào hè, đào đường của Chủ đầu tư.

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thiết kế, Quyết định phê duyệt, các tài liệu liên quan như: thoả thuận quy hoạch, các thoả thuận cấp nước, thoát nước, điện lực...

- Quyết định công nhận đơn vị trúng thầu, Hợp đồng thi công.

- Biện pháp thi công, tiến độ thi công, Quyết định phân luồng tổ chức giao thông (đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn giao thông)

- Đối với các công trình trên địa bàn các quận, phải có ý của quận sở tại.

* Trường hợp khách quan, có lý do phù hợp với thời gian đã thi công giấy phép quá hạn; chủ đầu tư có công văn đề nghị gia hạn xin giấy phép.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp mới: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ hợp lệ.

- Trường hợp gia hạn: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào hè, đào đường

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 10.000đồng/01 giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/05/2011 của Bộ GTVT về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

- Quyết định số 04/2006/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2006 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy định về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ;
- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 7463/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt danh mục các tuyến phố giao Sở Giao thông vận tải quản lý đồng bộ vỉa hè, lòng đường phục vụ công tác tổ chức giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 2/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/03/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2015.

Am

Thủ tục 43. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (nhóm B, C và các công trình xây dựng mới, sửa chữa chưa đến mức phải lập dự án) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương.

1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, các nhân nộp hồ sơ tại Phòng chuyên môn của Sở

- Cán bộ phòng kiểm tra hồ sơ, lập giấy hẹn trả tại phòng chuyên môn Sở.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại phòng chuyên môn và kiểm tra hiện trường

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Công văn xin phép đào hè, đào đường của Chủ đầu tư

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thiết kế, Quyết định phê duyệt, các tài liệu liên quan như: thoả thuận quy hoạch, các thoả thuận cấp nước, thoát nước, điện lực...

- Quyết định công nhận đơn vị trúng thầu, Hợp đồng thi công

- Biện pháp thi công, tiến độ thi công, Quyết định phân luồng tổ chức giao thông (đối với các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn giao thông)

- Đối với các công trình trên địa bàn các quận, phải có ý của quận sở tại.

* Trường hợp khách quan, có lý do phù hợp với thời gian đã thi công giấy phép quá hạn; chủ đầu tư có công văn đề nghị gia hạn xin giấy phép.

b. Số lượng : 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp mới: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ hợp lệ.

- Trường hợp gia hạn: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào hè, đào đường

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 10.000đồng/01 giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/05/2011 của Bộ-GTVT về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

- Quyết định số 04/2006/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2006 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy định về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ;



- Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 16/4/2008 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về việc quản lý và sử dụng hè phố, lòng đường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của UBND Thành phố Hà Nội v/v Ban hành Quy định về quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 7463/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt danh mục các tuyến phố giao Sở Giao thông vận tải quản lý đồng bộ vỉa hè, lòng đường phục vụ công tác tổ chức giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 2/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ngày 17/03/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về Ban hành quy định về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 94/2009/QĐ-UBND ngày 24/08/2009 của UBND TP.HN v/v quản lý ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2015.

Thủ tục 44. Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải;

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Công văn hoặc giấy giới thiệu xin cấp giấy phép lưu hành đường bộ của chủ phương tiện hoặc chủ thuê phương tiện (kèm theo danh sách các xe)

- Hợp đồng vận chuyển hàng hoặc hợp đồng thi công công trình (bản photo- xuất trình bản gốc để đối chiếu). Mẫu đơn xin cấp phép kê khai các thông số kỹ thuật của từng xe do Sở giao thông vận tải cấp. Đơn xin cấp phép phải có dấu, chữ ký của chủ phương tiện (hoặc bên thuê phương tiện)

- Giấy đăng ký phương tiện (bản photo) - xuất trình bản chính để đối chứng

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn thời hạn (bản photo) - xuất trình bản chính để đối chứng.

*** Nếu không mang bản chính để đối chiếu thì chấp nhận bản photo công chứng trước thời gian xin cấp phép 01 tuần.**

- Đối với xe đã được cấp phép nay xin gia hạn phải nộp lại giấy phép cũ, trường hợp nếu mất phải có xác nhận của cơ quan công an.

- Đối với xe chở xăng dầu, chất dễ cháy nổ phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng chống cháy nổ theo quy định.

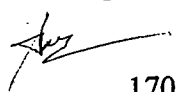
- Không cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích không lắp guốc xích khi tham gia giao thông.

- Không cấp Giấy phép lưu hành cho xe chở hàng có thể tháo rời (chia nhỏ) hoặc xe bánh xích không lắp guốc xích khi tham gia giao thông.

*** Đối với xe siêu trường, siêu trọng:**

- Hồ sơ xin cấp phép như phần 3.1

- Ngoài ra trong trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn giao thông và an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến đường vận chuyển, Sở giao thông vận tải cùng với



chủ hàng, bên vận chuyên và các đơn vị có liên quan kiểm tra xem xét cụ thể và thống nhất phương án vận chuyên, sau đó mới cấp phép.

* Quy định giấy phép lưu hành đường bộ :

- Trong cùng một thời gian mỗi xe chỉ được cấp 1 giấy phép (1 bản giao cho khách, 1 bản lưu tại bộ phận cấp phép).

- Thời hạn cấp phép không quá 03 tháng /1 lần.

- Không cấp phép cho xe có trọng lượng toàn bộ xe và hàng trên 15 tấn vào các tuyến phố thuộc quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa (Trừ trường hợp đặc biệt và từng trường hợp cụ thể).

b) Mang bản chính để đối chiếu.

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 xe

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lưu hành

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 30.000đồng/01 giấy phép

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp phép lưu hành xe tải hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Thực hiện theo quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/05/2011 của Bộ GTVT về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư 46/2015/TT- BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ

- Văn bản số 4539/TCĐBVN-ATGT ngày 5/9/2014 của Tổng Cục đường bộ Việt Nam về việc hướng dẫn và quản lý công tác cấp giấy phép lưu hành xe trên đường bộ;

LawSoft Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE TẢI
HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI HẠN CHẾ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:
 - Địa chỉ:.....
 - Điện thoại:.....
- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe tải với các thông số sau:

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- Loại xe:
- Nhãn hiệu xe:..... Biển số đăng ký:.....
- Nhãn hiệu sơ mi rơ moóc(rơ moóc):.....
- Biển số đăng ký của sơ mi rơ moóc(rơ moóc):.....
- Kích thước bao của xe kể cả sơ mi rơ moóc: Dài x rộng x cao:(m)
- Kích thước bao cầu rơ moóc: Dài x rộng x cao:.....(m)
- Tải trọng thiết kế của xe (hoặc xe kéo sơ mi rơ moóc):.....(tấn)
- Tải trọng thiết kế của rơ moóc:.....(tấn)
- Trọng lượng bản thân xe:(tấn)
- Trọng lượng bản thân somiromoóc (rơ moóc):(tấn)
- Số trục của xe: Số trục sau của xe:..... Số trục của somiromoóc:.....
- Số trục của rơ moóc: Số trục sau của rơ moóc:

HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

- Loại hàng:
- Trọng lượng hàng xin chở:
- Chiều rộng toàn bộ xe khi xếp hàng:(m) Hàng vượt hai bên thùng xe:(m)
- Chiều dài toàn bộ xe khi xếp hàng:(m) Chiều cao toàn bộ xe khi xếp hàng:.....(m)
- Hàng vượt phía trước thùng xe:(m) Hàng vượt phía sau thùng xe:(m)

TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN

- Nơi đi (ghi cụ thể nơi xuất phát).....
- Nơi đến (ghi cụ thể nơi xuất phát).....
- Thời gian lưu hành: Từ đến

(Đơn xin phép này có kèm theo sơ đồ xe)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
Ký tên, đóng dấu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN
HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**
Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:
- Địa chỉ: Điện thoại:
- Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:		
Thông số kỹ thuật	Đầu kéo hoặc xe thân liền	Rơ moóc/ Sơ mi rơ moóc RM/SMRM
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Khối lượng bản thân (tấn)		
Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng cho phép kéo theo (tấn)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:		
Loại hàng:		
Kích thước (D x R x C) m:	Tổng khối lượng (tấn):	
3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:		
Kích thước (D x R x C) m:	Hàng vượt phía trước thùng xe: m	
Hàng vượt hai bên thùng xe: m	Hàng vượt phía sau thùng xe: m	
Tổng khối lượng: tấn (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng)		
4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:		
Trục đơn: tấn		
Cụm trục kép: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ...m		
Cụm trục ba: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ...m		

5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km):
- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ đến.....

6. Cam kết của chủ phương tiện: về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

(Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

....., ngày.... tháng... năm....
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
Ký tên, đóng dấu

Aay

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH
XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:
- Địa chỉ: Điện thoại:
- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích:
- Biển số đăng ký (nếu có): (tân)
- Trọng lượng bản thân xe:
- Kích thước của xe:
 - + Chiều dài: (m)
 - + Chiều rộng: (m)
 - + Chiều cao: (m)
- Loại xích (nhọn hoặc bằng):..... (m)
- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: (m)
- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh:..... (m)
- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, các điểm không chế từ nơi đi đến nơi đến):
- Thời gian lưu hành: Từ..... đến

(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU
(Nếu người đề nghị cấp giấy phép lưu hành là lái xe hoặc chủ xe tư nhân thì xuất trình giấy phép lái xe hoặc chứng minh thư nhân dân)



Thủ tục 45. Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, phố để dừng, đỗ xe ô tô.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải;

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc thông qua hệ thống bưu chính và kiểm tra hiện trường.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn xin phép theo mẫu (hoặc công văn đề xuất) của cơ quan, tổ chức cá nhân có ý kiến của UBND phường (xã, thị trấn).

- Sơ hoạ vị trí.

b/ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đô thị

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép phê duyệt (Giấy phép sử dụng tạm thời đường phố để dừng, đỗ xe ô tô)

8. Phí, lệ phí: Lệ phí: 10.000đồng/m²/tháng

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin sử dụng tạm thời lòng đường để dừng, đỗ ô tô

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

- Nghị định 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Thông tư 45/2014/TT-BCA ngày 15/10/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Thông tư 04/2008/TT-BXD của Bộ Xây Dựng về việc hướng dẫn quản lý đường đô thị.
- Thông tư 16/2009/TT-BXD của Bộ Xây Dựng về việc hướng dẫn quản lý đường đô thị.
- Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý và sử dụng hè phố, lòng đường trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2013 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống đường đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 9/5/2015.
- Quyết định 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 của UBND TP Hà Nội về việc thu phí sử dụng hè, lề đường, lòng đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 02/3/2011 của UBND Thành phố Hà Nội;
- Hướng dẫn liên ngành số 851/2003/HD-LN ngày 29/10/2003 của Liên ngành GTCC - Công an TP - Tài chính vật giá - Văn hoá Thông tin - Thương mại - Quy hoạch kiến trúc Xây dựng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN SỬ DỤNG
TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG ĐỂ DỪNG, ĐỖ Ô TÔ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

Tên đơn vị (cá nhân):

Địa chỉ:

Xin được cấp Giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường phố để đỗ ô tô như sau:

Lòng đường: Dài.....m Rộng.....m Diện tích.....m²

Mục đích sử dụng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thời gian sử dụng: Từ ngày..... đến ngày.....

Kèm theo hồ sơ gồm có:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xác nhận của UBND phường
(xã, thị trấn)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
Đơn vị (cá nhân) làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 46. Cấp mới giấy phép lái xe

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Hội đồng kỳ sát hạch, Tổ sát hạch hoàn thiện hồ sơ kỳ sát hạch, phê duyệt hồ sơ cá nhân người dự sát hạch, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý phương tiện giao thông - Sở GTVT Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông tiếp nhận hồ sơ. Người có thẩm quyền hoặc được ủy quyền thực hiện thẩm định hồ sơ, lập báo cáo, trình Lãnh đạo Sở ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch - trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội : số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ cá nhân người dự sát hạch:

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Giấy khám sức khỏe có kết luận đủ điều kiện sức khỏe phù hợp với hạng xe được lái do cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe cấp;
- Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo do cơ sở đào tạo lái xe cấp;
- Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe được Hội đồng kỳ sát hạch, Tổ sát hạch công nhận đạt kết quả về hạng xe được lái;

* Và trong trường hợp nâng hạng:

- Bản tự khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu;
- Bản sao “Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở” hoặc bằng cấp tương đương trở lên khi nâng hạng D, E;
- Bản sao GPLX.

2. Hồ sơ kỳ sát hạch:

- Quyết định tổ chức kỳ sát hạch và Danh sách thí sinh dự sát hạch; Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng kỳ sát hạch, Tổ sát hạch.
- Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp GPLX, thí sinh vắng, thí sinh trượt có xác nhận của Hội đồng kỳ sát hạch, Tổ sát hạch.
- Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp GPLX.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thành viên Hội đồng kỳ sát hạch, Tổ sát hạch;
- Học viên có tên trong Danh sách dự sát hạch và Danh sách trúng tuyển được cấp GPLX.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.
- Cơ quan phối hợp: Cơ sở đào tạo lái xe, Trung tâm sát hạch lái xe.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- GPLX phù hợp với hạng xe được lái;
- Hồ sơ người lái xe tự quản lý gồm các tài liệu trong mục Hồ sơ cá nhân;
- Hồ sơ kỳ sát hạch được lưu giữ tại Phòng Quản lý phương tiện giao thông - Sở GTVT Hà Nội.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí sát hạch đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4):
 - + Sát hạch lý thuyết: 40.000 đồng/lần
 - + Sát hạch thực hành trong hình: 50.000 đồng/lần
- Phí sát hạch đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F):
 - + Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần
 - + Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng /lần
 - + Sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng /lần
- Lệ phí cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe.
- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn.
- Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe.
- Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe.
- Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.
- Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.
- Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp GPLX.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Xuất trình bản chính GPLX và “Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở” hoặc bằng cấp tương đương trở lên với trường hợp nâng hạng.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư số 23/2013/TT-BTC ngày 27/02/2013 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.
- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng	<p style="text-align: center;">ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE</p> <p style="text-align: center;">Kính gửi:.....</p>
---------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tôi là:..... Quốc tịch:.....
Sinh ngày: / / Nam, Nữ:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Nơi cư trú:.....
Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):.....
Cấp ngày: / / Nơi cấp:.....
Đã có giấy phép lái xe số:..... hạng.....
do:..... cấp ngày: / /

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);
- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

.....
Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)



LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Sinh ngày: / / Nam, Nữ:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân số:.....

Cấp ngày: / / Nơi cấp:.....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:....., hạng.....

do:..... cấp ngày: / /.....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe và có km lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe
hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)



Kết thúc kỳ sát hạch, lập xong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch tự giải thể.

Điều 5. Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch, Thủ trưởng cơ sở đào tạo, Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2, 3 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)



Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu:

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CÁC HẠNG
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
 Giao thông vận tải)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE HẠNG

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe			Số chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo	Ghi chú
						Hạng	Thâm niên hành nghề			
							Năm hành nghề	Số km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tên xếp theo vần A, B, C ...									

Am.

MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE*
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
 Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh màu
 3 cm x 4 cm
 (chụp không
 quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:..... Nam (Nữ).....
 Sinh ngày / / Quốc tịch:.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
 Nơi cư trú:.....
 Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu):....., cấp ngày / / tại
 Thi lấy giấy phép lái xe:..... Hạng:.....
 Học lái xe tại cơ sở đào tạo:.....

....., ngày tháng năm
 Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Lần thứ 1: Ngày tháng năm

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên:		

B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Lần thứ 1: Ngày tháng năm

Sát hạch lái xe trong hình	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Ngày sát hạch:			
Thí sinh ký tên			
Sát hạch lái xe trên đường	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Ngày sát hạch:			
Thí sinh ký tên			

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch

Hạng Đạt Không đạt

TỔ TRƯỞNG
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày tháng năm 20....

TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
 (Ký tên, đóng dấu)

A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Lần thứ 2: Ngày tháng năm

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên:		

B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Lần thứ 2: Ngày tháng năm

Sát hạch lái xe trong hình	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
	Ngày sát hạch:		
	Thí sinh ký tên		
Sát hạch lái xe trên đường	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
	Ngày sát hạch:		
	Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch

Hạng Đạt Không đạt

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày tháng năm 20....

TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Am

MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không
quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:..... Nam (Nữ).....
 Sinh ngày// Quốc tịch:.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
 Nơi cư trú:.....
 Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu):....., cấp ngày// tại
 Thi lấy giấy phép lái xe:.....Hạng:.....
 Học lái xe tại cơ sở đào tạo:.....

....., ngày tháng năm
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Lần thứ 1: Ngày tháng năm

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên:		

B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Lần thứ 1: Ngày tháng năm

Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Ngày sát hạch:			
Thí sinh ký tên			

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch

Hạng Đạt Không đạt

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày tháng năm 20....

TM. BAN QUẢN LÝ SÁT HẠCH
TRƯỞNG BAN
(Ký tên, đóng dấu)

(Chữ ký)

A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Lần thứ 2: Ngày tháng năm

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên:		

B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Lần thứ 2: Ngày tháng năm

Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Ngày sát hạch:			
Thí sinh ký tên			

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch

Hạng Đạt Không đạt

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày tháng năm 20....

TM. BAN QUẢN LÝ SÁT HẠCH

TRƯỞNG BAN

(Ký tên, đóng dấu)



MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN KỲ SÁT HẠCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

BỘ GTVT (UBND TỈNH...)
TCĐBVN (SỞ GTVT...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM
(GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI)

Căn cứ Quyết định số ngày/...../..... của về việc quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải);

Căn cứ Thông tư số/...../TT-BGTVT ngày/...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng (Trưởng Phòng):.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch cho học viên lái xe (ô tô, mô tô) của cơ sở đào tạo
lái xe, sát hạch từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... được cấp giấy phép lái xe, gồm:

(Ghi rõ số lượng thí sinh từng hạng có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà): Vụ trưởng (Trưởng Phòng) thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam
(Sở Giao thông vận tải...), Thủ trưởng cơ sở đào tạo, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, BQLSH.



MẪU DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
 Bộ Giao thông vận tải)

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, Khóa	Hạng giấy phép lái xe được cấp	Ghi chú
					Hạng	Ngày trúng tuyển			

Handwritten signature

Thủ tục 47. Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đăng ký hồ sơ trực tuyến trên trang thông tin điện tử www.dichvucongdoigplx.hanoi.gov.vn (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 3);
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe mới, cắt góc hủy giấy phép lái xe đang sử dụng.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thông báo qua tin nhắn hoặc hòm thư điện tử tới công dân lịch hẹn hoặc lý do bị từ chối (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 3); Thẩm định hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp nộp hồ sơ theo lịch hẹn trực tuyến (mã code) tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 3);

- Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: tại 1 trong 3 địa điểm: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình

- Hà Nội hoặc Lô HH03 Đường Vạn Hạnh - Quận Long Biên - Hà Nội.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ trực tuyến (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 3):

Nhập đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến.

2. Hồ sơ nộp trực tiếp:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

- Giấy khám sức khỏe có kết luận đủ điều kiện sức khỏe phù hợp với hạng xe được lái do cơ sở y tế được phép khám sức khỏe cho người lái xe cấp trừ trường hợp: (GPLX hạng A1, A2, A3; GPLX ô tô và hạng A4 còn thời hạn sử dụng trên 03 tháng khi chuyển đổi GPLX bằng giấy bìa sang GPLX bằng vật liệu PET.);

- Bản sao GPLX dùng để đổi, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chờ in GPLX sau 02 giờ, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 3).

- 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Đang sử dụng GPLX do ngành GTVT cấp không quá thời hạn sử dụng (được in trên GPLX) trên 03 tháng kể từ ngày hết hạn; Với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 3: đã có lịch hẹn trực tuyến (mã code).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.
- d) Cơ quan phối hợp: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, và Sở Giao thông vận tải nơi quản lý GPLX.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- GPLX và hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX phù hợp với hạng xe được lái;
- Bản dữ liệu xác thực Trung ương bị từ chối kèm hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX.
- “Quyết định thu hồi giấy phép lái xe và hồ sơ gốc” trong trường hợp phát hiện người lái xe: "...tây xóa, làm sai lệch các thông tin trên GPLX, sử dụng GPLX giả hoặc hồ sơ lái xe giả, có hành vi cố tình gian dối khác...".

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: - Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính GPLX dùng để đổi, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Văn bản số 858/TCĐBVN-QLPT&NL ngày 13/02/2015 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc triển khai thí điểm Dịch vụ công đổi GPLX tại Sở GTVT Hà Nội;
- Văn bản số 1816/UBND-XDGT ngày 17/3/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai cung cấp dịch vụ công cấp độ 3 đối với thủ tục đổi GPLX của Sở GTVT;
- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày/...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....

do:..... cấp ngày/...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu);
- Bản sao giấy phép lái xe dùng để đổi;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

Thủ tục 48. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe mới, cắt góc hủy giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện: : Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: tại 1 trong 3 địa điểm: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình - Hà Nội hoặc Lô HH03 Đường Vạn Hạnh - Quận Long Biên - Hà Nội

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng;

- Bản chính Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng (được in trên GPLX);

- Hồ sơ gốc (nếu có).

- Giấy khám sức khỏe có kết luận đủ điều kiện sức khỏe phù hợp với hạng xe được lái do cơ sở y tế được phép khám sức khỏe cho người lái xe cấp với trường hợp đổi GPLX do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995; trừ trường hợp đổi GPLX hạng A1, A2, A3;

- Bản sao Quyết định (chuyên công tác, nghỉ hưu, thôi việc...) với trường hợp đổi GPLX do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Đang sử dụng GPLX do ngành Công an cấp trước ngày 01/8/1995 còn thời hạn sử dụng;

- Đang sử dụng GPLX do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995 còn thời hạn sử dụng nay có Quyết định (chuyên công tác, nghỉ hưu, thôi việc...).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý GPLX trong một số trường hợp cần xác minh.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- GPLX và hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX phù hợp với hạng xe được lái;
- Bản dữ liệu xác thực Trung ương bị từ chối kèm hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

Lệ phí cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính Quyết định (chuyển công tác, nghỉ hưu, thôi việc...), giấy chứng minh nhân dân;

- Không đổi đối với trường hợp: GPLX cấp trước ngày 01/8/1995 không có tên trong sổ lưu; GPLX quá thời hạn sử dụng (được in trên GPLX); hoặc GPLX bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi hoặc có sự khác biệt về nhận dạng.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày/...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....

do:..... cấp ngày/...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu);
- Bản sao giấy phép lái xe dùng để đổi;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

Thủ tục 49. Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe mới, cắt góc hủy giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện: : Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: tại 1 trong 3 địa điểm: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình - Hà Nội hoặc Lô HH03 Đường Vạn Hạnh - Quận Long Biên - Hà Nội

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản sao Quyết định ra quân;

- Giấy khám sức khỏe có kết luận đủ điều kiện sức khỏe phù hợp với hạng xe được lái do cơ sở y tế được phép khám sức khỏe cho người lái xe cấp, trừ trường hợp đổi GPLX hạng A1, A2, A3;

- Bản chính Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng (được in trên GPLX);

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: - 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Đang sử dụng GPLX quân sự do Bộ Quốc phòng cấp còn thời hạn sử dụng nay có Quyết định ra quân do Thủ trưởng cấp trung đoàn trở lên ký không quá 06 tháng tính đến thời điểm thực hiện thủ tục.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý GPLX trong một số trường hợp cần xác minh.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: - GPLX và hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX phù hợp với hạng xe được lái;- Bản dữ liệu xác thực Trung ương bị từ chối kèm hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính Quyết định ra quân, giấy chứng minh nhân dân;
- Không đổi đối với trường hợp: GPLX quá thời hạn sử dụng (được in trên GPLX); hoặc GPLX bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi hoặc có sự khác biệt về nhận dạng.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày/...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....

do:..... cấp ngày/...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu);
- Bản sao giấy phép lái xe dùng để đổi;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.



Thủ tục 50. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: tại 1 trong 3 địa điểm: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình - Hà Nội hoặc Lô HH03 Đường Vạn Hạnh - Quận Long Biên - Hà Nội

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Đối với người Việt Nam:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch GPLX nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao GPLX;

- Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam);

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân;

* Đối với người nước ngoài:

- Bản sao giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao (thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam).

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu;

- Bản dịch GPLX nước ngoài, Bản sao hộ chiếu: áp dụng thủ tục như đối với người Việt Nam ở phần trên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: - 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người Việt Nam và người nước ngoài có GPLX quốc gia do nước ngoài cấp còn thời hạn sử dụng (được in trên GPLX).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp GPLX tại Việt Nam trong một số trường hợp cần xác minh.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- GPLX và hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX phù hợp với hạng xe được lái. GPLX có thời hạn sử dụng:

+ Đối với người Việt Nam: theo thời hạn quy định của GPLX Việt Nam.

+ Đối với người nước ngoài: phù hợp với thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú, phù hợp với thời hạn sử dụng GPLX nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của GPLX Việt Nam.

- Bản dữ liệu xác thực Trung ương bị từ chối kèm hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam);

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (đối với người nước ngoài);

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đối với người Việt Nam: Xuất trình bản chính (giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu và GPLX nước ngoài);

- Đối với người nước ngoài: Xuất trình bản chính (hộ chiếu còn thời hạn, GPLX nước ngoài, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú hoặc giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam);

- Không đổi đổi với trường hợp: GPLX tạm thời; GPLX quốc tế; GPLX quá thời hạn sử dụng (được in trên GPLX); hoặc GPLX bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi hoặc có sự khác biệt về nhận dạng, không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày/...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....

do:..... cấp ngày/...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu);
- Bản sao giấy phép lái xe dùng để đổi;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)
Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Quốc tịch (Nationality):.....
Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....
Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....
Số hộ chiếu (Passport No.):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year).....
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.....
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Purpose of application for new driving licence):.....
.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);
- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)
(Ký và ghi rõ họ, tên) (Signature and Full name)



Thủ tục 51. Cấp lại Giấy phép lái xe

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ xét cấp lại giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện: : Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: tại 1 trong 3 địa điểm: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình - Hà Nội hoặc Lô HH03 Đường Vạn Hạnh - Quận Long Biên - Hà Nội.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản chính hồ sơ gốc phù hợp với GPLX (nếu có).

- Giấy khám sức khỏe có kết luận đủ điều kiện sức khỏe phù hợp với hạng xe được lái do cơ sở y tế được phép khám sức khỏe cho người lái xe cấp, trừ trường hợp cấp lại GPLX các hạng A1, A2, A3;

- Bản sao GPLX dùng để đổi, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

- Bản sao GPLX (đối với trường hợp GPLX quá thời hạn được đổi);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Sau 02 tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (đối với trường hợp bị mất giấy phép lái xe).

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày trúng tuyển kỳ sát hạch (đối với trường hợp phải sát hạch lại).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Đang sử dụng GPLX do ngành GTVT cấp nhưng bị mất hoặc quá thời hạn sử dụng (được in trên GPLX) trên 03 tháng kể từ ngày hết hạn;

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền về thông tin thu giữ GPLX.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- GPLX và hồ sơ cá nhân dùng để cấp lại GPLX phù hợp với hạng xe được lái;
- Bản dữ liệu xác thực Trung ương bị từ chối kèm hồ sơ cá nhân dùng để đổi GPLX.
- “Quyết định thu hồi giấy phép lái xe và hồ sơ gốc” trong trường hợp phát hiện người lái xe: "...giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên GPLX, sử dụng GPLX giả hoặc hồ sơ lái xe giả, có hành vi cố tình gian dối khác..."

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí sát hạch đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4):
 - + Sát hạch lý thuyết: 40.000 đồng/lần
 - + Sát hạch thực hành trong hình: 50.000 đồng/lần
- Phí sát hạch đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F):
 - + Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần
 - + Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng /lần
 - + Sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng /lần
- Lệ phí cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

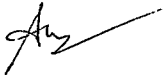
- Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, GPLX (đối với trường hợp GPLX quá thời hạn được đổi).
- Không cấp lại đối với trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày/...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....

do:..... cấp ngày/...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu);
- Bản sao giấy phép lái xe dùng để đổi;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày tháng năm 20.....

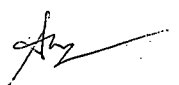
NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.



Thủ tục 52. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: tại 1 trong 3 địa điểm: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình - Hà Nội hoặc Lô HH03 Đường Vạn Hạnh - Quận Long Biên - Hà Nội

3. Thành phần hồ sơ :

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch GPLX nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao GPLX;

- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam).

- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: - Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người nước ngoài du lịch đến Việt Nam có GPLX quốc gia do nước ngoài cấp còn thời hạn sử dụng. (Không đổi đối với trường hợp: GPLX tạm thời; GPLX quốc tế).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp GPLX tại Việt Nam trong một số trường hợp cần xác minh.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:



- GPLX phù hợp với hạng xe được lái, có thời hạn sử dụng phù hợp với thời gian du lịch ở Việt Nam (từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh) nhưng không vượt quá thời hạn quy định của GPLX Việt Nam.

- Thông tin bị từ chối không cấp GPLX trên Cơ sở dữ liệu Trung ương.

- Hồ sơ người lái xe tự quản lý gồm các tài liệu trong mục Hồ sơ của TTHC.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: - Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính (Danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc hộ chiếu và GPLX nước ngoài);

- Không đổi đối với trường hợp: GPLX tạm thời; GPLX quốc tế; GPLX quá thời hạn sử dụng (được in trên GPLX); hoặc GPLX bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi hoặc có sự khác biệt về nhận dạng, không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)
Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Quốc tịch (Nationality):.....
Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....
Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....
Số hộ chiếu (Passport No.):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year).....
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.....
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Purpose of application for new driving licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);
- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

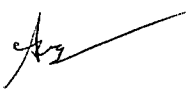
Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)(Signature and Full name)



LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 53. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

1. Trình tự thực hiện :

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe - trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: Phòng Quản lý phương tiện giao thông Sở Giao thông vận tải Hà Nội thực hiện:

- Thụ lý hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Hà Nội.

- Giám sát thực hiện chương trình tập huấn: tại địa điểm tổ chức khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Hồ sơ cá nhân người dự khóa tập huấn:

- Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (theo mẫu);

- Giấy khám sức khỏe có kết luận đủ điều kiện sức khỏe phù hợp với hạng xe được lái do cơ sở y tế được phép khám sức khỏe cho người lái xe cấp;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu giấy chứng minh nhân dân.

- Bản sao kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ sau:

+ Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng;

+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề;

+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

2. Hồ sơ khóa tập huấn:

- Quyết định tổ chức khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe và Danh sách tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.

- Báo cáo về việc tham gia và hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe

- Quyết định công nhận kết quả khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe và Danh sách học viên khóa tập huấn đạt kết quả kỳ kiểm tra.

- Báo cáo tổng hợp kết quả môn kiểm tra và danh sách học viên đạt yêu cầu, học viên vắng, học viên trượt có xác nhận của Ban tổ chức và quản lý khóa học.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả tập huấn.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Nhà trường hoặc cơ sở đào tạo được uỷ quyền tổ chức và quản lý giảng dạy thực hiện chương trình tập huấn.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe có thời hạn và tên cơ sở đào tạo.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:


- Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;
- Danh sách giáo viên đề nghị được tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính GPLX, giấy chứng minh nhân dân.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày: / / Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân số:....., cấp ngày: / /

Nơi cấp:.....

Có giấy phép lái xe số:....., hạng....., do:.....

cấp ngày: / /

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề;
- 01 bản sao có công chứng Giấy phép lái xe (còn thời hạn);
- 01 bản sao có chứng thực Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- 01 Giấy khám sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;
- Các tài liệu khác có liên quan gồm:.....

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)



MẪU DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....)

Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....) xem xét, chấp thuận cho (số lượng) giáo viên được tham dự tập huấn để cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC TẬP HUẤN,
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Giấy phép lái xe			Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm	Hạng	Ngày trúng tuyển	Thâm niên	

....., ngày tháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Cục

Thủ tục 54. Cấp mới Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu, có văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng trung tâm sát hạch lái xe loại 3 gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
- Sau khi xây dựng xong tổ chức, cá nhân gửi văn bản kèm hồ sơ đề nghị Sở Giao thông vận tải Hà Nội cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Hà Nội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chủ trì tổ chức kiểm tra thực tế, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: - Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Thụ lý hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội : số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Kiểm tra thực tế : tại địa điểm sát hạch được nêu trong báo cáo của Trung tâm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương:

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng Trung tâm sát hạch lái xe loại 3.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận trung tâm sát hạch loại 3

- Văn bản chấp thuận chủ trương;
- Dự án đầu tư xây dựng;
- Bản sao có chứng thực giấy phép xây dựng;
- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;
- Hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch;
- Loại xe cơ giới dùng để sát hạch;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

+Chấp thuận chủ trương :

- Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

+ Cấp giấy chứng nhận :

- Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

- Có văn bản chấp thuận xây dựng Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 của Sở giao thông vận tải Hà Nội.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận được uỷ quyền

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông, Phòng Tổ chức Cán bộ, Thanh tra Sở GTVT.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng Trung tâm sát hạch lái xe loại 3.

- Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động có thời hạn và quy định hạng đủ điều kiện sát hạch (theo mẫu).

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì kiểm tra thực tế có kết luận: “ Trung tâm sát hạch lái xe loại đủ điều kiện hoạt động, đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ”.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Quyết định số 966/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Thủ tục 55. Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động (trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Hà Nội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chủ trì tổ chức kiểm tra thực tế, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Thụ lý hồ sơ : tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội : số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Kiểm tra thực tế : tại địa điểm sát hạch được nêu trong báo cáo của Trung tâm.

4. Thời hạn giải quyết: - Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm sát hạch có Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động hết hạn.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận được uỷ quyền

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông, Phòng Tổ chức Cán bộ , Thanh tra Sở GTVT.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động có thời hạn và quy định hạng đủ điều kiện sát hạch (theo mẫu).

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì kiểm tra thực tế có kết luận : “ Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động, đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ”.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

As

- Quyết định số 966/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.



Thủ tục 56. Cấp mới Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Hà Nội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chủ trì tổ chức kiểm tra thực tế, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: - Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Thụ lý hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Kiểm tra thực tế : tại địa điểm đào tạo được nêu trong báo cáo của cơ sở đào tạo.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (theo mẫu);
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chức năng đào tạo lái xe của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;
- Bản sao giấy đăng ký xe của xe tập lái đối với các hạng A3, A4.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chức năng đào tạo lái xe của cơ quan có thẩm quyền ;

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận được uỷ quyền

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông, Phòng Tổ chức Cán bộ, Thanh tra Sở GTVT.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe có thời hạn và quy định hạng được đào tạo (theo mẫu).

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Biên bản kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe mô tô, máy kéo;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì kiểm tra thực tế có kết luận: "Cơ sở đào tạo lái xe đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định".

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐTB&XH ngày 04/11/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Về việc ban hành hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học trong đào tạo nghề;

Am

Thủ tục 57. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Hà Nội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chủ trì tổ chức kiểm tra thực tế, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: - Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Thụ lý hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội : số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Kiểm tra thực tế : tại địa điểm đào tạo được nêu trong báo cáo của cơ sở đào tạo.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe (theo mẫu);

- Bản sao giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất);

- Bản sao giấy đăng ký xe của xe tập lái đối với các hạng A3,A4 (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đào tạo có Giấy phép đào tạo lái xe hết hạn trước 15 ngày.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận được uỷ quyền

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông, Phòng Tổ chức Cán bộ , Thanh tra Sở GTVT.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe có thời hạn và quy định hạng được đào tạo (theo mẫu).

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Biên bản kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe mô tô, máy kéo;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì kiểm tra thực tế có kết luận: "Cơ sở đào tạo lái xe đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định".

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐTB&XH ngày 04/11/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Về việc ban hành hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học trong đào tạo nghề;



Thủ tục 58. Cấp Giấy phép xe tập lái

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

Người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: Số 2 Phùng Hưng- Q.Hà Đông- Hà Nội.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu;

- Bản sao các giấy tờ sau:

+ Giấy đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ dùng cho xe có phanh phụ hiệu lực còn thời hạn;

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đào tạo lái xe.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xe tập lái có thời hạn tương ứng với thời gian được phép lưu hành của xe tập lái.

8. Phí, lệ phí (nếu có):

Lệ phí cấp Giấy phép xe tập lái: 30.000đồng/lần/phương tiện.

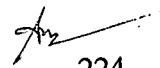
9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính các tài liệu như thành phần hồ sơ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;


224

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/05/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT
 ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TRƯỜNG.....
 TRUNG TÂM.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

Trường (Trung tâm) đề nghị Sở Giao thông vận tải Hà Nội xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVM		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

....., ngày.....tháng.....năm 20....
HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
 (Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhậ :
 - Như trên;
 - Lưu:



Thủ tục 59. Cấp lại Giấy phép xe tập lái

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Khi Giấy phép xe tập lái hết hạn, cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

Người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: Số 2 Phùng Hưng- Q.Hà Đông- Hà Nội.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu;
- Bản sao các giấy tờ sau:
 - + Giấy đăng ký xe;
 - + Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ dùng cho xe có phanh phụ hiệu lực còn thời hạn;
 - + Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đào tạo lái xe.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.
- d) Cơ quan phối hợp: không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xe tập lái có thời hạn tương ứng với thời gian được phép lưu hành của xe tập lái.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí: 30.000đ/lần/phương tiện (tối thiểu 6 tháng).

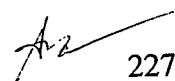
9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Xuất trình bản chính các tài liệu như thành phần hồ sơ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

 227

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/07/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/05/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.



MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT
ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TRƯỜNG.....
 TRUNG TÂM.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

Trường (Trung tâm) đề nghị Sở Giao thông vận tải Hà Nội xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

....., ngày.....tháng.....năm 20....
HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhậ :
 - Như trên;
 - Lưu:

Handwritten signature/initials

Thủ tục 60. Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Trình tự thực hiện :

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân được chấp thuận chủ trương tiến hành xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Hà Nội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề tổ chức kiểm tra thực tế, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện:

- Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Hà Nội.

- Thụ lý hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Hà Nội.

- Kiểm tra thực tế: tại địa điểm đào tạo được nêu trong báo cáo của cơ sở đào tạo.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (theo mẫu);

- Bản sao văn bản chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô của Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu:

+ Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chức năng đào tạo lái xe của cơ quan có thẩm quyền;

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe còn thời hạn;

+ Giấy đăng ký xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn; giấy phép xe tập lái.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chức năng đào tạo lái xe của cơ quan có thẩm quyền;

- Có văn bản chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận được uỷ quyền

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông, Phòng Tổ chức Cán bộ, Thanh tra Sở GTVT.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Lao động Thương binh và Xã hội hoặc Tổng cục Dạy nghề.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe có thời hạn và quy định hạng được đào tạo (theo mẫu).

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Biên bản kiểm tra xét cấp mới giấy phép đào tạo lái xe;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề kiểm tra thực tế có kết luận: "Cơ sở đào tạo lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định".

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐTB&XH ngày 04/11/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Về việc ban hành hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học trong đào tạo nghề;

- Quyết định số 966/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số.....ngày...../...../.....của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản sốngày...../...../.....của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được.....học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng			Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Ghi chú	
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Surpham						

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chủng loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:.....m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)



MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÉT CẤP MỚI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
XÉT CẤP MỚI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

Ngày//, Đoàn kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe được thành lập tại Quyết
định số: ngày// của Giám đốc Sở Giao thông vận tải....., đã
tiến hành kiểm tra theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái
xe:.....

Thành phần Đoàn gồm có:

1. Ông (Bà): Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải - Trưởng Đoàn.
2. Ông (Bà): Trưởng (Phó) phòng.....Sở Giao thông vận tải.
3. Ông (Bà): Đại diện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
4. Ông (Bà): Chuyên viên Phòng - Thư ký.

Thành phần Cơ sở đào tạo lái xe gồm có:

1. Ông (Bà):
2. Ông (Bà):
3. Ông (Bà):

Kết quả kiểm tra như sau:

1. Phòng học Luật Giao thông đường bộ:

.....
.....

2. Phòng học Cấu tạo và Sửa chữa thông thường:

.....
.....

3. Phòng học Nghiệp vụ vận tải:

.....
.....

4. Phòng học Kỹ thuật lái xe:

.....
.....

5. Phòng học Thực tập bảo dưỡng, sửa chữa:

.....
.....

6. Các phòng học khác:



.....
.....
7. Giáo viên cóngười đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Giáo viên dạy lý thuyết.....người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo);
- Giáo viên dạy thực hành lái xe.....người (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo).

8. Xe tập lái có.....xe (kèm theo danh sách, giấy đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy phép xe tập lái) đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Xe hạng B:..... chiếc;
- Xe hạng C:..... chiếc;
- Xe hạng D:..... chiếc;
- Xe hạng E:..... chiếc;
- Xe hạng F:..... chiếc.

9. Sân tập lái có.....sân với diện tích.....m², được thảm nhựa (bê tông, ghi rõ các điều kiện khác), đủ (không đủ) điều kiện dạy lái.

10. Đường tập lái xe là đường (ghi rõ tên đường) đủ giảng dạy, tập lái theo nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định.

Với kết quả kiểm tra trên, đề nghị Giám đốc Sở Giao thông vận tải, cấp giấy phép đào tạo lái xe các hạng, với lưu lượng:học viên (trong đó, hạng B:, hạng C:, hạng D:, hạng E:, hạng F:).

Tên cơ sở đào tạo:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....

Cơ quan trực tiếp quản lý:.....

Họ tên Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc):.....

TRƯỞNG ĐOÀN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐẠI DIỆN SỞ LĐ - TB&XH
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)



Thủ tục 61. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Trình tự thực hiện :

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo lái xe gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Hà Nội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề tổ chức kiểm tra thực tế, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện: - Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Hà Nội.

- Thụ lý hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Hà Nội.

- Kiểm tra thực tế: tại địa điểm đào tạo được nêu trong báo cáo của cơ sở đào tạo.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (theo mẫu);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính:

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe còn thời hạn;

+ Giấy đăng ký xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn; giấy phép xe tập lái.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ sở đào tạo có Giấy phép đào tạo lái xe ô tô hết hạn hoặc điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận được uỷ quyền

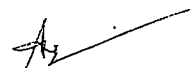
c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông, Phòng Tổ chức Cán bộ, Thanh tra Sở GTVT.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Lao động Thương binh và Xã hội hoặc Tổng cục Dạy nghề.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe có thời hạn và quy định hạng được đào tạo (theo mẫu).

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:



- Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe;
- Biên bản kiểm tra xét cấp lại giấy phép đào tạo lái xe;

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề kiểm tra thực tế có kết luận: "Cơ sở đào tạo lái xe đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định".

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.
- Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐTB&XH ngày 04/11/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Về việc ban hành hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học trong đào tạo nghề;
- Quyết định số 966/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

As

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số.....ngày...../...../.....của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản sốngày...../...../.....của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được.....học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:.....

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

Số T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạn g giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thấm niên dạy lái	Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hó a	Chuyên môn	Surphạ m				

			dân											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1														
2														
3														
...														

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chủng loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích:.....m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA XÉT CẤP LẠI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
XÉT CẤP LẠI GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

Hôm nay, ngày..... / /, chúng tôi gồm:

Ông (Bà) Trưởng (Phó) Vụ Quản lý phương tiện người lái; Phòng Quản lý (vận
tải) phương tiện và người lái (Ban Quản lý đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái
xe).....

Ông (Bà) Chuyên viên Vụ Quản lý phương tiện người lái, phòng Quản lý
(vận tải) phương tiện và người lái (Ban Quản lý đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái
xe).....

Cơ sở đào tạo lái xe gồm có:

1. Ông (Bà):.....
2. Ông (Bà):.....
3. Ông (Bà):.....

Đã cùng nhau kiểm tra theo tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái
xe:

.....

Kết quả kiểm tra như sau:

1. Phòng học Luật Giao thông đường bộ:

.....
.....

2. Phòng học Cấu tạo và Sửa chữa thông thường:

.....
.....

3. Phòng học Nghiệp vụ vận tải:

.....
.....

4. Phòng học Kỹ thuật lái xe:

.....
.....

5. Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa:

.....
.....

 240

6. Các phòng khác:

.....
.....

(Ghi rõ số lượng, diện tích, các trang thiết bị, đồ dùng dạy học từng loại phòng học)

7. Giáo viên cóngười đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Giáo viên dạy lý thuyết (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo).....

- Giáo viên dạy thực hành lái xe (danh sách trích ngang, hồ sơ kèm theo).....

8. Xe tập lái cóxe (kèm theo danh sách, giấy đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy phép xe tập lái) đủ tiêu chuẩn, trong đó:

- Xe hạng B:..... chiếc;

- Xe hạng C:..... chiếc;

- Xe hạng D:..... chiếc;

- Xe hạng E:..... chiếc;

- Xe hạng F:..... chiếc.

9. Sân tập lái cósân với diện tích m², được thảm nhựa (bê tông),..... đủ (không đủ) điều kiện dạy lái.

10. Đường tập lái xe là đường đủ giảng dạy, tập lái theo nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định.

Với kết quả kiểm tra trên, chúng tôi đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Giám đốc Sở Giao thông vận tải) xem xét, cấp lại giấy phép đào tạo lái xe các hạng, với lưu lượng học viên (trong đó, hạng B:, hạng C:, hạng D:, hạng E:, hạng F:).

Tên cơ sở đào tạo:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....

Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....


Họ tên Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc):.....

ĐẠI DIỆN.....
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐẠI DIỆN.....
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu được sử dụng khi cấp lại giấy phép hết hạn kết hợp với nâng hạng, tăng lưu lượng đào tạo.



Mẫu:

BỘ, UBND...
TRƯỜNG (TRUNG TÂM).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I - GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số, ngày, của...

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo /năm.

II - BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm..... loại xe (xe con, xe tải...tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số.....ngày ... tháng.....năm 20....của.....
Từ đầu đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại..., thời gian đào tạo....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp ... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên:

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:.....

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số Chứng minh nhân dân	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng Giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hoá	Chuyên môn	Su phạm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: Số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học sinh tập.
- Chung loại: Số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
 - Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %); tỉ lệ đổi mới.
 - Thiết bị dạy lái trên xe.
 - Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

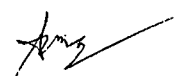
Số TT	Số đăng ký xe	Mác xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản photocopy có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái: diện tích:m²
- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
 - Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị.

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)



Thủ tục 62. Cấp Giấy phép lái xe quốc tế

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe quốc tế.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được ủy quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình - Hà Nội

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu;

- Bản sao hộ chiếu;

- Bản sao hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: - Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, và Sở Giao thông vận tải nơi quản lý GPLX.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- IDP phù hợp với hạng xe được lái;

- “Quyết định thu hồi IDP” và không được cấp IDP trong thời hạn 03 năm trong trường hợp phát hiện người lái xe: "...có hành vi gian dối để được cấp IDP, tẩy xóa hoặc làm sai lệch thông tin..."

8. Phí, lệ phí (nếu có): - Lệ phí cấp giấy phép lái xe quốc tế: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: - Đơn đề nghị cấp IDP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính các tài liệu như Thành phần hồ sơ.

- Không đối đối với trường hợp: Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa, hư hỏng không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Văn bản số 14638/BGTVT-TC ngày 03/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc lệ phí cấp giấy phép lái xe.



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Kính gửi (To): Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hà Nội
Ha Noi Transport Department

Tôi là (Full name):.....
Quốc tịch (Nationality):.....
Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....
Nơi sinh (Place of birth):.....
Hiện thường trú tại (Place of normal residence):.....
.....
Số hộ chiếu (Passport No.):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year)
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No):
.....
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year)
Có giá trị đến (Valid until): ngày (date): tháng (month) năm (year)
Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Purpose of application for International Driving Permit):.....
.....

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

Hà Nội, ngày (date) tháng (month) năm (year)

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)



Thủ tục 63. Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa.

b) Giải quyết TTHC:

- Bộ phận một cửa:

+ Tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính.

+ Thu lệ phí, trả giấy phép lái xe quốc tế.

- Phòng Quản lý phương tiện giao thông, người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện thẩm định hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 16 Cao Bá Quát - Q.Ba Đình - Hà Nội

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu;

- Bản sao hộ chiếu;

- Bản sao hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: - Người có Giấy phép lái xe quốc tế bị mất hoặc hư hỏng.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận một cửa và Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, và Sở Giao thông vận tải nơi quản lý GPLX.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- IDP phù hợp với hạng xe được lái;

- “Quyết định thu hồi IDP” và không được cấp IDP trong thời hạn 03 năm trong trường hợp phát hiện người lái xe: "...có hành vi gian dối để được cấp IDP, tẩy xóa hoặc làm sai lệch thông tin..."

8. Phí, lệ phí (nếu có): - Lệ phí cấp giấy phép lái xe quốc tế: 135.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: - Đơn đề nghị cấp IDP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Xuất trình bản chính các tài liệu như Thành phần hồ sơ.

- Không đối đối với trường hợp: Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa, hư hỏng không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;
- Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;
- Văn bản số 14638/BGTVT-TC ngày 03/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc lệ phí cấp giấy phép lái xe.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Kính gửi (To): Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hà Nội
Ha Noi Transport Department

Tôi là (Full name):.....

Quốc tịch (Nationality):.....

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....

Nơi sinh (Place of birth):.....

Hiện thường trú tại (Place of normal residence):.....

.....

Số hộ chiếu (Passport No.):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year)

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No):

.....

Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month) năm (year)

Có giá trị đến (Valid until): ngày (date): tháng (month) năm (year)

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Purpose of application for International Driving Permit):.....

.....

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

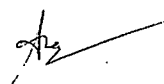
I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

Hà Nội, ngày (date) tháng (month) năm (year)

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)



Thủ tục 64. Chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô

1. Trình tự thực hiện :

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Hà Nội tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện:

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

- Thụ lý hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng, Q.Hà Đông, Hà Nội.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô;
- Đề án xây dựng cơ sở đào tạo nêu rõ vị trí, diện tích xây dựng, quy mô, lưu lượng đào tạo, số lượng giáo viên, số lượng phương tiện của cơ sở đào tạo;
- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đất đai tại địa phương để xây dựng cơ sở đào tạo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ phận được uỷ quyền

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Lao động Thương binh và Xã hội hoặc Tổng cục Dạy nghề.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Phù hợp nhu cầu đào tạo thực tế của Hà Nội.

- Phù hợp với quy hoạch cơ sở đào tạo của Bộ Giao thông vận tải.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:



- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Quyết định số 966/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.



Thủ tục 65. Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện Trung Quốc

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản.

2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Giấy phép vận tải;

Giấy đăng ký phương tiện (bản sao chụp);

Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép vận tải đã được gia hạn

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Phương tiện của Trung Quốc hết hạn giấy phép vận tải hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp...) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày hết hạn.

8. Phí, lệ phí (nếu có): không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị gia hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29/6/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT Hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI
Application form to extend the transport permit

Tên đơn vị vận tải
Transport Organization

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI
APPLICATION FORM TO EXTEND THE TRANSPORT PERMIT

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
To: Provincial Department of Transport.....

1. Người xin gia hạn (Full Name):.....
.....
2. Địa chỉ (Address):.....
3. Số điện thoại (Tel):số Fax (Fax).....
4. Địa chỉ Email (Email):.....
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): do (cơ quan) (issued by)cấp ngày (dated)
6. Thời gian hết hạn hoạt động tại Việt Nam (the expiry date in Viet Nam):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định).....
(Reason for extention: explain the reason why you can not come back your country in accordance with the regulation)
8. Đề nghị xin gia hạn giấy phép vận tải để khắc phục sự cố trong thời gian: (mấy ngày)từ ngàyđến ngày
Proposal to extend the transport permit in order to resolve the problems fromto (....days).

Trong thời gian được gia hạn tôi xin cam kết thực hiện nghiêm các nội dung quy định trong giấy phép vận tải.

During the extension period, I undertook to implement the contents regulated in the transport permit.

....., Ngàytháng....năm.....

Date.....(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Organization,
individual)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signed, entered full name)



Thủ tục 66 : Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Giao thông vận tải (nếu cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động).

b) Giải quyết TTHC:

- Cán bộ Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, ghi Phiếu giải quyết thủ tục hành chính. Phòng Quản lý phương tiện giao thông thuộc Sở GTVT Hà Nội thẩm định hồ sơ, cấp chứng chỉ cho người có nhu cầu.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải Hà Nội : số 2 Phùng Hưng - Q.Hà Đông - Hà Nội

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn (bản sao chụp);

- 03 ảnh màu kích thước 2x3cm chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết: - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý phương tiện giao thông

d) Cơ quan phối hợp: Không có

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

8. Phí, lệ phí (nếu có): 30.000 đồng/lần cấp.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động;

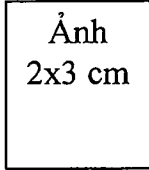
- Có tên trong hồ sơ lưu trữ;

- Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để đối chiếu.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 06/2011/TT - BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:

Tên tôi là:.....

Sinh ngày:.... tháng.....năm

Nơi cư trú:.....

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Hiện tôi đã có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng do.....

cấp, cấp đổi, cấp lại, số chứng chỉ.....cấp ngày.....

Lý do xin đổi, cấp lại:.....

Đề nghịcho tôi được đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

.....ngày..... tháng.....năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

* Xin gửi kèm theo:

- 03 ảnh màu cỡ 2x3 mới chụp không quá 6 tháng theo kiểu CMND;
- 01 bản photocopy giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY

Thủ tục 1. Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa theo quy định, ngoài việc thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 (hai) ngày làm việc;

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có ý kiến trả lời bằng văn bản. Trường hợp cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp qua bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận theo mẫu. Nội dung văn bản phải ghi rõ vị trí, quy mô công trình, tình hình thủy văn và các kết cấu chính của công trình.

- Bình đồ khu vực xây dựng công trình hoặc bản đồ thể hiện vị trí công trình với hệ tọa độ, mốc cao độ liên hệ với hệ mốc quốc gia. Trên bình đồ thể hiện cao độ tự nhiên mặt cắt ngang theo phạm vi dọc tuyến đường thủy nội địa đối với khu vực xây dựng công trình.

- Ngoài hai thành phần hồ sơ nói trên, hồ sơ phải có các tài liệu cho từng trường hợp cụ thể sau đây:

+ Đối với công trình xây dựng cầu vĩnh cửu, cầu tạm, âu tàu: Dữ liệu về khoang thông thuyền (vị trí, khẩu độ cầu, chiều cao tình không); Mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông;

+ Đối với cầu quay, cầu cát, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu phải thể hiện rõ phương án và công nghệ đóng, mở, vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện thủy neo đậu khi chờ đợi;

+ Đối với công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không: Bản vẽ, các số liệu thể hiện rõ điểm thấp nhất của đường dây, đường ống (điểm thấp nhất của đường dây điện tính cả hành lang an toàn lưới điện);

+ Đối với công trình ngầm dưới đáy luồng: Bản vẽ thể hiện kích thước, cao trình của đỉnh kết cấu công trình ngầm;

+ Đối với công trình bến phà: Bản vẽ thể hiện hướng và kích thước các bến ở hai bờ, các công trình phụ trợ và vùng nước cần thiết cho hoạt động của phà;

+ Đối với công trình cảng cá; cảng làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng: Bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng, kích thước, kết cấu các cầu cảng, các công trình phụ trợ và vùng nước cần thiết cho hoạt động của cảng;

+ Đối với công trình kè, công trình chỉnh trị: Bản vẽ thể hiện hướng và các kích thước của công trình, phần công trình nhô từ bờ ra ngoài;

+ Đối với khai thác tài nguyên: Bình đồ, các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định vị trí nạo vét, đắp đất hoặc khai thác tài nguyên.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý Giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản thỏa thuận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến thỏa thuận.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 quy định về quản lý đường thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



TÊN CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..(1)..-(2)
V/v.....(3)

....., ngày tháng năm

Kính gửi:(4).....

.....(5)
.....
.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...(7).

THỦ TRƯỞNG (6)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Thủ tục 2. Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế đến

Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu điện, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

+ Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản chấp thuận việc tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa địa phương hết tuổi thọ thiết kế; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi cho đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa thông qua hệ thống bưu chính hoặc nhận trực tiếp tại trụ sở cơ quan.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;

- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;

- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;

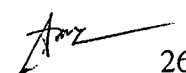
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa.



6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý giao thông đường thủy nội địa
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v Xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì:

- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

2. Tên công trình:

- Địa điểm:

3. Loại công trình: Cấp công trình:

4. Tên tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng công trình:

- Địa chỉ: Điện thoại:

5. Nội dung báo cáo và đề nghị xử lý công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế:

.....

(Ghi các nội dung đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 5 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa).

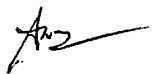
..... ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy nội địa.



Thủ tục 3. Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày có văn bản chấp thuận thực hiện dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành khảo sát, lập và gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc phải có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư;

- Chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không phê duyệt, có văn bản trả lời nhà đầu tư.

- Chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, Sở Giao thông vận tải gửi Ủy ban nhân dân Thành phố để theo dõi, kiểm tra.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận Văn thư của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

- Báo cáo thuyết minh đề xuất thực hiện dự án với những nội dung chính sau đây:

+ Phân tích sự cần thiết, lợi thế trong việc thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm so với các hình thức đầu tư khác; các điều kiện thuận lợi, khó khăn; mục đích sử dụng sản phẩm tận thu được trong quá trình nạo vét;

+ Xác định địa điểm, quy mô, phạm vi thi công; xác định khối lượng nạo vét theo chuẩn tắc thiết kế đã được công bố hoặc phân tích, đề xuất thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thi công; dự kiến khối lượng đăng ký tận thu, phương án tập kết sản phẩm tận thu và vị trí đổ thải đối với sản phẩm nạo vét không tận thu;

+ Biện pháp thi công, trình tự thi công, kế hoạch và tiến độ thi công; biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng và tiến độ thực hiện, phương thức chuyển giao và tiếp nhận công trình sau khi hoàn thành;

+ Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;



+ Phân tích phương án tài chính của dự án gồm những nội dung: tổng mức đầu tư dự án, cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động nhân lực, phương tiện, thiết bị; các khoản chi; nguồn thu, giá, phí; thời gian thu hồi vốn, lợi nhuận;
+ Thời gian và tiến độ thực hiện dự án.

- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất.
- Bản vẽ thiết kế: bản vẽ tổng mặt bằng (bình đồ khảo sát địa hình, tuyến luồng hoặc khu nước, vùng nước; vị trí tập kết phương tiện, vị trí tập kết sản phẩm nạo vét...); bản vẽ mặt bằng phạm vi khu vực nạo vét; bản vẽ chi tiết mặt cắt nạo vét; tọa độ mép luồng hoặc vùng nước trước cảng, bến tại mặt cắt và các bản vẽ khác có liên quan;
- Văn bản cam kết thực hiện dự án bao gồm: cam kết về bố trí nhân lực, thiết bị đảm bảo tiến độ, chất lượng dự án và giải quyết khắc phục hậu quả nếu thực hiện dự án không đúng theo quy định; cam kết không gây sạt lở hai bên bờ sông khu vực thực hiện dự án; cam kết khắc phục mọi hậu quả do ảnh hưởng của dự án gây ra (nếu có) và cải tạo môi trường.
- Báo cáo thẩm tra dự án (đối với dự án có khối lượng nạo vét từ 300.000m³ trở lên).
- Các tài liệu khác cần thiết cho việc giải trình hồ sơ đề xuất thực hiện dự án (nếu có)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;
- Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;



Thủ tục 4. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi thi công công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công dự án phải gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính thì phải hướng dẫn bằng văn bản. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 (hai) ngày làm việc;

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc cần kéo dài thời gian xem xét, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và thời gian cần kéo dài thêm;

- Chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình và Sở Giao thông vận tải thống nhất xác định vùng nước và hiện trạng luồng trong phạm vi thi công công trình.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

- + Thuyết minh chung về phương án;
- + Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết khống chế, bố trí phương tiện điều tiết khống chế;

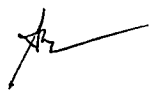
- + Phương án bố trí nhân lực;

- + Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

- + Thời gian thực hiện phương án;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:



- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 quy định về quản lý đường thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



TÊN CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..(1)..-(2)
V/v.....(3)

....., ngày tháng năm

Kính gửi:(4).....

.....(5)

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...(7).

THỦ TRƯỞNG (6)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).



Thủ tục 5. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi thi công công trình tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn xem xét và yêu cầu bổ sung hồ sơ không quá 02 (hai) ngày làm việc;

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

- Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu.

- Phương án thi công công trình.

- Phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa khu vực thi công công trình, bao gồm:

+ Thuyết minh chung về phương án;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông, vị trí các trạm điều tiết không chế, bố trí phương tiện điều tiết không chế;

+ Phương án bố trí nhân lực;

+ Quy chế hướng dẫn phương tiện qua khu vực thi công;

+ Thời gian thực hiện phương án..

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

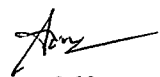
6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.



7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 quy định về quản lý đường thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



TÊN CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..(1)..-(2)
V/v.....(3)

....., ngày tháng năm

Kính gửi:(4).....

.....(5)

.....

.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...(7).

THỦ TRƯỞNG (6)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn.
- (2) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- (3) Nêu trích yếu nội dung Tờ trình ngắn gọn, rõ ràng.
- (4) Cơ quan được quy định tại Điều 19 của Thông tư.
- (5) Nội dung văn bản trình theo quy định tại Điều 18, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 của Thông tư.
- (6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức.
- (7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).



Thủ tục 6. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương)

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hạn chế giao thông đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

- Sở Giao thông vận tải xem xét, xác định biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để có văn bản trả lời trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và thực hiện việc công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa. Văn bản trả lời phải nêu rõ yêu cầu về biện pháp bảo đảm an toàn giao thông..

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần Hồ sơ:

- Văn bản đề nghị (nêu rõ địa điểm, thời gian, phạm vi, quy mô tổ chức hoạt động và các văn bản pháp lý kèm theo).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4. Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản công bố hạn chế giao thông.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 5/12/2014 quy định về quản lý đường thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.



Thủ tục 7. Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải.

- Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa như sau:

+ Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng quản lý giao thông đường thủy nội địa
- d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ hàng hải khu vực.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

- Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số FAX

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (2)

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, (kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

Quy mô dự kiến xây dựng:

Mục đích sử dụng:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn
Ký và đóng dấu

Ghi chú:

1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.



Thủ tục 8. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ cảng thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải (cơ quan đã chấp thuận chủ trương xây dựng cảng).

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa theo mẫu;
- Bản sao chứng thực quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt; hồ sơ hoàn công;
- Biên bản nghiệm thu công trình;
- Bình đồ vùng nước của cảng;
- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi thay cho cầu tàu);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;



c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công bố.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.

- Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

- Trường hợp cảng mới xây xong phần cầu tàu nhưng chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng ngay phục vụ cho việc xây dựng các hạng mục công trình khác của cảng thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tạm thời phần cầu tàu đã hoàn thành theo thủ tục quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 của Thông tư 50/2014/TT-BGTVT, hiệu lực của quyết định công bố tạm thời không quá 12 tháng.

- Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....
Tên tổ chức, cá nhân
Địa chỉ trụ sở:
Số điện thoại: Số FAX

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2)

Vị trí cảng: từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, (kênh)

Thuộc xã (phường), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Cảng thuộc loại:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi):

Phạm vi vùng nước sử dụng:.....

Vùng đón trả hoa tiêu

Phương án khai thác

Cảng có khả năng tiếp nhận loại phương tiện:

Thời gian hoạt động từ ngày đến ngày

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Thủ tục 9. Công bố lại cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ cảng thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động lại cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải.
- Cảng thủy nội địa phải công bố lại trong các trường hợp sau:
 - + Khi thay đổi chủ sở hữu;
 - + Quyết định công bố hoạt động hết hiệu lực;
 - + Thay đổi kết cấu công trình cảng, vùng đất, vùng nước hoặc thay đổi công dụng của cảng.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu;
- Đối với trường hợp do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung đã công bố, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng cảng và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);
- Đối với trường hợp công bố lại do có sự thay đổi về kết cấu công trình cảng, vùng nước, vùng đất, công dụng của cảng, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh các nội dung thay đổi;
- Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, thực hiện theo quy định về công bố hoạt động cảng thủy nội địa đối với phần xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp;

- Đối với cảng thủy nội địa được công bố hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 do thất lạc hồ sơ, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình cảng, bình đồ vùng nước, vùng đất của cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công bố.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, yêu cầu:

+ Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.

+ Việc đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

+ Trường hợp cảng mới xây xong phần cầu tàu nhưng chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng ngay phục vụ cho việc xây dựng các hạng mục công trình khác của cảng thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố tạm thời phần cầu tàu đã hoàn thành theo thủ tục quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 của Thông tư 50/2014/TT-BGTVT, hiệu lực của quyết định công bố tạm thời không quá 12 tháng.

+ Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân.....

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại:Số FAX

Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2)

Vị trí cảng: từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, (kênh)

Thuộc xã (phường), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

Cảng thuộc loại:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi.):

Phạm vi vùng nước sử dụng:

.....

Vùng đón trả hoa tiêu (nếu có)

Phương án khai thác:

Loại phương tiện cảng có khả năng tiếp nhận:

Lý do đề nghị công bố lại:

Thời hạn xin hoạt động từ ngày / / đến hết ngày / /

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định, của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn
Ký tên và đóng dấu

Ghi chú:

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.



Thủ tục 10. Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa hoặc bến khách ngang sông đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với bến thủy trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Chi Cục Đường thủy nội địa về vị trí và ảnh hưởng của bến đối với luồng và phạm vi bảo vệ các công trình khác ở khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Chi Cục Đường thủy nội địa có văn bản trả lời.

+ Đối với bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

+ Đối với bến khách ngang sông, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến xây dựng bến. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải kèm hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời.

+ Đối với bến thủy nội địa khu vực Hồ Tây, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông phải lấy ý kiến của UBND quận Tây Hồ, Sở Quy hoạch kiến trúc.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.



3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa hoặc Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo mẫu;
- Bình đồ vị trí công trình bến dự kiến xây dựng, mặt bằng bến, vùng nước trước bến.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;
- d) Cơ quan phối hợp: Chi Cục Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã (UBND quận Tây Hồ, Sở Quy hoạch kiến trúc đối với các bến thủy nội địa tại khu vực Hồ Tây)

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa;
- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.
- Việc đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.
- Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;



- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thuỷ nội địa.

- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:

(1).....
Tên tổ chức, cá nhân

.....
Địa chỉ trụ sở:

.....
Số điện thoại: Số FAX

.....
Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2)

.....
Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ đến km thứ

.....
bờ (phải hay trái) sông, (kênh)

thuộc xã (phường), huyện

(quận)..... tỉnh (thành phố):

Quy mô dự kiến xây dựng:

.....
Bến được sử dụng vào mục đích:

.....
Phạm vi vùng đất sử dụng:

.....
Phạm vi vùng nước sử dụng:

- Chiều dài:mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng.....mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn

Ký và đóng dấu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN-ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG

Kính gửi: (1).....
Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Làm đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông:
Tên bến

Vị trí dự kiến mở bến: Từ km thứ đến km thứ Bên bờ
(phải/trái) của sông (kênh)

Thuộc xã (phường) huyện (quận)
.....
tỉnh (thành phố)

Quy mô dự kiến xây dựng:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng:

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

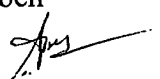
Ý kiến của UBND cấp xã

Người làm đơn
Ký tên

Ghi chú:

- 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

- Nội dung UBND cấp xã nơi mở bến xác nhận người làm đơn hiện đang cư trú tại địa phương có đủ điều kiện đầu tư xây dựng bến và tổ chức quản lý khai thác hoạt động bến khách ngang sông theo quy định



LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 11. Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ bến thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Đối với bến khách ngang sông, trường hợp bến ở hai bên bờ đều do một chủ khai thác và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động của một cơ quan thì chủ khai thác bến khách ngang sông làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu, Cơ quan có thẩm quyền cấp một giấy phép hoạt động bến khách ngang sông cho cả hai đầu bến.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa hoặc Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;

- Biên bản nghiệm thu công trình;

- Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;

- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

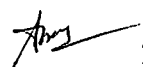
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.



6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép.

8. Phí, lệ phí: 40.000 VNĐ/Giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa;
- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.
- Việc đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.
- Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....
Tên tổ chức, cá nhân
Địa chỉ trụ sở:
Số điện thoại: Số FAX
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng Năm
do cơ quan cấp
Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
Vị trí bến: từ km thứ đến km thứ
bờ (phải hay trái) sông (kênh)
thuộc xã (phường), huyện (quận) tỉnh (thành phố):
.....
Kết cấu, quy mô của bến:
Phương án khai thác:
Bến được sử dụng để:
Phạm vi vùng đất sử dụng
Phạm vi vùng nước sử dụng
- Chiều dài:mét, dọc theo bờ;
- Chiều rộngmét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.
Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước ..
.....
Thời hạn xin hoạt động từ ngày đến ngày
Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam
đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận
tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn
Ký tên

Ghi chú: 1. Tên Sở Giao thông vận tải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÊN KHÁCH NGANG SÔNG

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày

do cơ quan: cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bên khách ngang sông:

Tên bến

Vị trí bến:

- Từ km thứ đến km thứ Bên bờ (phải, trái) của sông

....., thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố)

Vùng đất sử dụng:

Vùng nước xin phép sử dụng:

+ Chiều dài:m dọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng:m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động:

.....

Đề nghị được hoạt động từ ngày tháng năm đến ngày tháng ...Năm...

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn
Ký tên



Ghi chú: 1. Tên Sở Giao thông vận tải

Thủ tục 12. Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ bến thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải.
- Bến thủy nội địa phải được cấp lại giấy phép hoạt động trong các trường hợp sau:
 - + Giấy phép hoạt động hết hiệu lực;
 - + Thay đổi chủ sở hữu;
 - + Thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.
- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại hiện trường và lập biên bản kiểm tra theo quy định
- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa gửi chủ bến, giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo mẫu.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu;
- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung của giấy phép đã được cấp, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng bến và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu bến hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);
- Trường hợp do thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị các giấy tờ pháp lý chứng minh các sự thay đổi nêu trên;
- Đối với bến thủy nội địa do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực của bến, hồ sơ gồm:
 - + Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 6 và Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.



- + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;
- + Biên bản nghiệm thu công trình;
- + Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;
- + Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);
- + Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Đối với bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 mà bị thất lạc hồ sơ thì chủ bến phải kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình bến, sơ đồ vùng nước, vùng đất của bến.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép.

8. Phí, lệ phí: 40.000 VNĐ/Giấy chứng nhận

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua bến, yêu cầu:

+ Việc đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác.

+ Việc đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

+ Đối với bến thủy nội địa khu vực Hồ Tây, trước khi cấp lại giấy phép do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua bến, Sở Giao thông phải lấy ý kiến của UBND quận Tây Hồ, Sở Quy hoạch kiến trúc.



+ Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Kính gửi: (1).....
Tên tổ chức, cá nhân
Địa chỉ trụ sở:
Số điện thoại: Số FAX
Làm đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
Vị trí bến: từ km thứ đến km thứ
..... trên bờ (phải hay trái) sông (kênh)
..... thuộc xã (phường)....., huyện (quận)
..... tỉnh (thành phố):
Kết cấu, quy mô công trình bến:
Phương án khai thác
Bến được sử dụng để:
Phạm vi vùng đất sử dụng:
Phạm vi vùng nước sử dụng:
- Chiều dài: mét, dọc theo bờ;
- Chiều rộng mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.
Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước ..
.....
Lý do đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động:
Thời hạn xin hoạt động từ ngày đến ngày ..
Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn
(Ký tên)



Thủ tục 13: Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và ô tô.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở ô tô đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải có Quyết định phê duyệt cho tổ chức, cá nhân vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và ô tô. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận văn thư hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến theo mẫu (bản chính);
- Quyết định thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao công chứng);
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao công chứng);
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao công chứng);
- Dự thảo Quy trình vận hành, khai thác bến;
- Các tài liệu khác liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ,

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;



d) Cơ quan phối hợp: Không có

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông

- Lắp đặt đầy đủ trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa tại những vị trí theo đúng thiết kế phương tiện hoặc tại những vị trí dễ lấy, dễ thấy trên phương tiện.

- Niêm yết Bảng nội quy bến, bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa và lối thoát hiểm tại những vị trí dễ thấy trên phương tiện;

- Thực hiện đúng quy trình vận chuyển người và phương tiện khi qua phà

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;

- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông
sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

2. Tên công trình:

- Địa điểm:

3. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1	Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến	
2	Quyết định thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao công chứng)	
3	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao công chứng)	
4	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao công chứng)	
5	Dự thảo quy trình vận hành, khai thác bến	
6	Các tài liệu khác liên quan	

Ghi chú: đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

4. Nội dung đề nghị:

.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)



Thủ tục 14. Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu dự học, thi lấy GCNKNCM, kiểm tra lấy CCCM nộp hồ sơ đến cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề).

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ sở dạy nghề hoặc Sở Giao thông vận tải gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM;

- Sở Giao thông vận tải tổ chức thi, kiểm tra, ra quyết định công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, CCCM nghiệp vụ và chứng chỉ an toàn cơ bản cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi, kiểm tra.

- Cá nhân khi dự thi, dự kiểm tra, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận GCNKNCM, CCCM phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu..

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận văn thư của Sở Giao thông vận tải hoặc đến cơ sở dạy nghề

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, GCNKNCM, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa, cơ sở dạy nghề;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy-chứng nhận

8. Phí, lệ phí:

- Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng Hạng ba: 170.000 VNĐ/lần
- Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng hạng ba: 140.000 VNĐ/lần
- Lệ phí: 50.000 đồng.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

a) Điều kiện chung:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam.
- Hoàn thành chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại các khoản 9, 11 và khoản 13 Điều 6 của Thông tư này).
- Đủ tuổi, đủ thời gian nghiệp vụ, thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư này.
- Có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

b) Điều kiện cụ thể

- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ thủy thủ hạng nhất, hạng nhì; chứng chỉ thợ máy hạng nhất, hạng nhì: đủ 16 tuổi trở lên.
- Điều kiện dự kiểm tra lấy chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, hạng nhì: đủ 18 tuổi trở lên.
- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư:
 - + Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì;
 - + Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phương tiện hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.
- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:
 - + Có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất hoặc GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;



+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thủy thủ hoặc lái phươg tiện hạng nhất đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì;

+ Có thời gian nghiệp vụ đủ 18 tháng trở lên. Đối với người đã có thời gian thực tế làm công việc của thợ máy hạng nhất hoặc hạng nhì đủ 30 tháng trở lên được quy đổi tương đương với thời gian nghiệp vụ để dự thi lấy GCNKNCM máy trưởng hạng ba.

- Điều kiện dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba hoặc máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng:

+ Có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy, nghề thủy thủ hoặc nghề máy tàu thủy, nghề thợ máy;

+ Hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyên đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phươg tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phươg tiện thủy đường thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp
không quá
06 tháng^(*)

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên tôi là:.....; Quốc tịch.....; Nam (Nữ)
 Sinh gày.....tháng.....năm.....
 Nơi cư trú:.....
 Điện thoại:.....; Email:.....
 Số CMND (hoặc Hộ chiếu):.....do.....
 cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa:....., Trường:.....,
 đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:.....ngày.....tháng.....năm.....
 theo Quyết định số:....., ngày.....tháng.....năm.....của.....
 Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

TỪ.....ĐẾN.....	CHỨC DANH	NƠI LÀM VIỆC	SỐ PTTND	GHI CHÚ

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

- + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM:
- + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM:
- + Cấp GCNKNCM, CCCM:
- + Cấp lại GCNKNCM, CCCM:
- + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM:

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp).....cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày.....tháng.....năm....

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Thủ tục 15. Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận vận tải hành khách ngang sông đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải liên quan trong trường hợp phương tiện hành trình qua vùng nước hàng hải, ý kiến của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trong trường hợp phương tiện hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia liên quan;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận theo mẫu cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách ngang sông. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách ngang sông theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức khai thác bến khách ngang sông đồng ý cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (nếu có); Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.



5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải liên quan, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải liên quan

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách ngang sông.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông

- Lắp đặt đầy đủ trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa tại những vị trí theo đúng thiết kế phương tiện hoặc tại những vị trí dễ lấy, dễ thấy trên phương tiện;

- Niêm yết Bảng nội quy bến, bảng hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa và lối thoát hiểm tại những vị trí dễ thấy trên phương tiện;

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BẢN ĐĂNG KÝ

Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa

Kính gửi:.....

- Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh:
- Địa chỉ giao dịch:
- Số điện thoại:; Fax/email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày
- Cơ quan cấp:

Đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa

1. Các tuyến hoạt động:

- Tuyến 1: từđến

(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký), trọng tải:(ghé)

(Các phương tiện khác ghi tương tự)

3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: + Cóchuyên/ngày (tuần); xuất phát tại:

..... vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần):

- + Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến:

.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải:

.....

5. Thời hạn hoạt động:

.....

6. Cam kết: Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đại diện tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)



Thủ tục 16. Cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thủy

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam- Campuchia cho phương tiện đến Sở Giao thông vận tải.

+ Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện thuộc quyền quản lý của địa phương đi một chuyến.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản.

- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia . Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ và trả kết quả trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện theo mẫu;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hàng hóa dễ cháy, dễ nổ đối với người thứ ba; bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của người kinh doanh vận tải hành khách đối với hành khách.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

8. Phí, lệ phí (nếu có):



- Đối với giấy phép cho phương tiện vận tải hành khách, hàng hóa thông thường đi một chuyến, thời hạn tối đa 60 ngày: 100.000 VNĐ/lần cấp;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép cho phương tiện đi một chuyến, với thời hạn tối đa là sáu mươi (60) ngày chỉ được phép hoạt động vận tải thủy qua lại theo tuyến đường thủy và các cảng bến của phía Campuchia theo quy định tại khoản 1, khoản 4.1 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/3/2012 và sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/3/2013.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy ký ngày 17 tháng 12 năm 2009;

- Thông tư số 08/2012/TT- BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy;

- Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT ngày 29/3/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy.

- Thông tư số 103/2013/TT-BTC ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy phép vận tải qua biên giới với Campuchia.



Tên doanh nghiệp, HTX
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY QUA BIÊN GIỚI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ :
3. Số điện thoại:.....số Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....
Ngày cấpCơ quan cấp phép.....(đối với trường hợp phương tiện vận tải phục vụ mục đích kinh doanh)
5. Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải) cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Tên phương tiện	Chủng loại (mục đích)	Số đăng ký	Trọng tải	Kích thước (Chiều rộng và mớn tối đa)	Năm sản xuất	Loại máy và Số máy	Tốc độ tối đa	HP/kW	Cửa khẩu Xuất nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

6. Đề nghị cấp Giấy phép (đề nghị ghi rõ Nhóm 1, Nhóm 2 hay Nhóm đặc biệt):.....

7. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ :

b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác :

8. Dự kiến hành trình chuyến đi:.....

9. Thời hạn đề nghị cấp phép:

....., Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị/cá nhân

(Ký tên/ đóng dấu)

Ký tên (đóng dấu)



Thủ tục 17. Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải liên quan trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải, ý kiến của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận theo mẫu cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

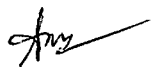
a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên đường thủy nội địa theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức khai thác cảng, bến thủy nội địa đồng ý cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

- Phương án khai thác tuyến;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội



địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải liên quan, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên đường thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

Niên yết công khai giá vé tại các cảng, bến đón, trả hành khách; Bảng nội quy đi tàu (áp dụng cho hành khách), bản hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa và lối thoát hiểm tại những nơi dễ thấy trên phương tiện.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định
đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam**

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh):
- Địa chỉ giao dịch:
- Số điện thoại:; Fax/email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:ngày
.....
- Cơ quan cấp:

Đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam với các nội dung sau:

1. Tên tàu:
2. Lý do hành trình:
3. Tuyến hành trình:
4. Tên các cảng, bến tàu cập, số lượng hành khách:
5. Thời gian và số chuyến:
6. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Đại diện doanh nghiệp, hộ gia đình
hoặc cá nhân kinh doanh**
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)



Thủ tục 18: Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam

1. Trình tự thực hiện :

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải (trong trường hợp tàu xuất phát từ cảng, bến thuộc khu vực trách nhiệm do Sở Giao thông vận tải quản lý)

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xử lý như sau:

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ còn thiếu hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi.

+ Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ kiểm tra ngay nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi ; nếu hồ sơ đầy đủ, cấp giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp.

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải hoặc Sở Giao thông vận tải liên quan (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia).

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản lấy ý kiến, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải liên quan có văn bản trả lời.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả : số 2 Phùng Hưng

- Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu theo tuyến cố định theo mẫu.

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến đồng ý cho tàu vào đón, trả hành khách.

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có ngành nghề vận

tải hành khách bằng đường thủy; Giấy chứng nhận đăng ký của tàu; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu.

- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ theo mẫu.

- Bản quy trình khai thác tàu của tổ chức, cá nhân, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Số lượng tàu khai thác, thời gian khai thác, thời gian bảo dưỡng, sửa chữa, lên đà, số lượng thuyền viên vận hành, quy trình xử lý tình huống trong trường hợp tàu gặp sự cố khi đang khai thác.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải hoặc Sở Giao thông vận tải liên quan (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia).

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Cục ĐTNĐ Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải, Sở Giao thông vận tải liên quan.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo tuyến cố định theo mẫu.

- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ theo mẫu.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Tại quầy bán vé niêm yết các thông tin về thời gian xuất bến, số chuyến lượt, giá vé, chính sách giảm giá vé theo quy định pháp luật và của người kinh doanh vận tải, hành trình (bao gồm cả các điểm dừng nghỉ, thời gian dừng, nghỉ), dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, bảo hiểm hành khách, hành lý miễn cước, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách; Niêm yết tại bến tàu nội quy đi tàu.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;



- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về việc quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc
theo tuyến cố định**

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh):.....
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số điện thoại:.....; Fax/email:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:
.....ngày.....
- Cơ quan cấp:.....

**Đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo
tuyến cố định với các nội dung sau:**

1. Các tuyến hoạt động

- Tuyến 1: Từ.....đến.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Số lượng tàu hoạt động trên mỗi tuyến vận tải

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký)....., trọng tải: (ghé)

(Các phương tiện khác ghi tương tự)

3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải

- Tuyến 1: + Có.....chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại:.....
.....vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần):.....

+ Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến:

(Các tuyến khác ghi tương tự)

4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đại diện doanh nghiệp
(hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh)
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)



Doanh nghiệp, hộ gia đình
hoặc cá nhân kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm....

ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi:(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên người kinh doanh:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.... ngày ... tháng ... năm....., nơi cấp

.....

5. Nội dung đăng ký:

a) Chất lượng tàu:

- Nhãn hiệu:, năm sản xuất:, số ghé:.....

- Trang thiết bị phục vụ hành khách trên tàu:.....

.....

b) Phương án tổ chức vận tải: việc chấp hành phương án hoạt động trên tuyến, hành trình, công tác bảo đảm an toàn giao thông.

c) Các quyền lợi của hành khách, bao gồm: bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước, quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin kiến nghị của hành khách và phản ánh của thông tin đại chúng, số điện thoại tiếp nhận thông tin phản ánh của hành khách.

d) Các dịch vụ phục vụ hành khách gồm: nước uống, khăn mặt, các dịch vụ khi dừng nghỉ dọc hành trình, dịch vụ y tế.

Đơn vị kinh doanh cam kết những nội dung đã đăng ký.

Đại diện doanh nghiệp, hộ gia đình
hoặc cá nhân kinh doanh
(ký tên, đóng dấu)



Thủ tục 19 : Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyên

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyên đến Sở Giao thông vận tải (trong trường hợp tàu xuất phát từ cảng, bến thuộc khu vực trách nhiệm do Sở Giao thông vận tải quản lý)

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải hoặc Sở Giao thông vận tải liên quan (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia).

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản lấy ý kiến, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải liên quan có văn bản trả lời.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyên. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo hợp đồng chuyên theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến đồng ý cho tàu vào đón, trả hành khách;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng

ký hộ kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký của tàu; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu; Hợp đồng vận tải, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Tên tàu, tuyến hành trình, tên các cảng, bến đón trả khách, số lượng hành khách, thời gian và số chuyến theo hợp đồng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải hoặc Sở Giao thông vận tải liên quan (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia).

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải liên quan hoặc Cảng vụ Hàng hải hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo hợp đồng chuyến.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Niêm yết tại bến tàu nội quy đi tàu, tại quầy bán vé các thông tin về thời gian xuất bến, số chuyến lượt, giá vé, chính sách giảm giá vé theo quy định pháp luật và của người kinh doanh vận tải, hành trình (bao gồm cả các điểm dừng nghỉ, thời gian dừng, nghỉ), dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, bảo hiểm hành khách, hành lý miễn cước, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;

- Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về việc quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

- Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo hợp đồng chuyến (hoặc không kinh doanh)

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh):

- Địa chỉ giao dịch:

- Số điện thoại:; Fax/email:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: ngày

- Cơ quan cấp:

Đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng tàu khách cao tốc theo hợp đồng chuyến (hoặc không kinh doanh) với các nội dung sau:

1. Tên tàu:

2. Lý do hành trình:

3. Tuyến hành trình:

4. Tên các cảng, bến tàu cập, số lượng hành khách:

5. Thời gian và số chuyến:

6. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Đại diện doanh nghiệp, hộ gia đình
hoặc cá nhân kinh doanh**
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)



Thủ tục 20: Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận vận tải người, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải (trong trường hợp tàu xuất phát từ cảng, bến thuộc khu vực trách nhiệm do Sở Giao thông vận tải quản lý)

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải hoặc Sở Giao thông vận tải liên quan (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia).

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản lấy ý kiến, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải liên quan có văn bản trả lời.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải người, hành lý, bao gửi và hàng hóa không có mục đích kinh doanh. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu không có mục đích kinh doanh theo mẫu;

- Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến đồng ý cho tàu vào đón, trả hành khách;

- Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký của tàu; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu; Bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên;



- Phương án chạy tàu cụ thể trong trường hợp hành trình của tàu đến khu vực không có cảng, bến.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải hoặc Sở Giao thông vận tải liên quan (nơi có cảng, bến tiếp nhận tàu hoặc trong trường hợp tàu hành trình qua vùng nước hàng hải liên quan), ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (trong trường hợp tàu hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia).

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải liên quan hoặc Cảng vụ Hàng hải hoặc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu không có mục đích kinh doanh.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:

- Niêm yết trên tàu: số điện thoại đường dây nóng của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý, đơn vị tìm kiếm cứu nạn và nội quy đi tàu, số điện thoại đường dây nóng của đơn vị chủ tàu..

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;

- Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc theo hợp đồng chuyến (hoặc không kinh doanh)

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh):
- Địa chỉ giao dịch:
- Số điện thoại:; Fax/email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:ngày
.....
- Cơ quan cấp:

Đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng tàu khách cao tốc theo hợp đồng chuyến (hoặc không kinh doanh) với các nội dung sau:

1. Tên tàu:
2. Lý do hành trình:
3. Tuyến hành trình:
4. Tên các cảng, bến tàu cập, số lượng hành khách:
5. Thời gian và số chuyến:
6. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ gia đình hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Đại diện doanh nghiệp, hộ gia đình
hoặc cá nhân kinh doanh**
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)



Thủ tục 21. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;



- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả):

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Đối với phương tiện thủy nội địa đăng ký hoạt động tại khu vực Hồ Tây. Ngoài hồ sơ quy định tại mục a, cần phải có:

- Giấy phép hoạt động du lịch, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao trên hồ do UBND quận Tây Hồ cấp (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bản chấp thuận của UBND quận Tây Hồ về việc cho phép phương tiện thủy nội địa hoạt động trên Hồ Tây, trên cơ sở số lượng, chủng loại phương tiện đã quy định (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.



5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: 70.000 VNĐ/Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.
- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

.....
- Trụ sở chính: (1)

.....
- Điện thoại: Email:

.....
Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Ký hiệu thiết kế:

.....
Công dụng:

.....
Năm và nơi đóng:

.....
Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

.....
Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:

.....m
Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất:

.....m
Chiều cao mạn: m Chiều chìm:

.....m
Mạn khô: m Trọng tải toàn phần:
tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:
tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

.....
.....
Máy phụ (nếu có):

.....
Giấy phép nhập khẩu số (nếu có):ngày tháng năm 20

Do cơ quan

.....cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:

.....



..... do cơ quan

..... cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm 20

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

.....

- Trụ sở chính: (1)

.....

- Điện thoại: Email:

.....

Loại phương tiện:

.....

Vật liệu đóng phương tiện:

.....

Kích thước phương tiện: ($L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):/.....
(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: tấn.

b) Sức chở người: người.

Tình trạng thân vỏ:

.....

Tình trạng hoạt động của máy:

.....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng (chiếc); Loại

.....

Đèn tín hiệu:

.....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Thủ tục 22. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.



2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả):

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

- Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Đối với phương tiện thủy nội địa đăng ký hoạt động tại khu vực Hồ Tây. Ngoài hồ sơ quy định tại mục a, cần phải có:

- Giấy phép hoạt động du lịch, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao trên hồ do UBND quận Tây Hồ cấp (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bản chấp thuận của UBND quận Tây Hồ về việc cho phép phương tiện thủy nội địa hoạt động trên Hồ Tây, trên cơ sở số lượng, chủng loại phương tiện đã quy định (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 70.000 VNĐ/Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa
với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Chiều cao mạn:m
 Năm hoạt động:..... Chiều chìm:.....m
 Công dụng:..... Mạn khô:.....m
 Năm và nơi đóng:..... Trọng tải toàn phần:tấn
 Vật liệu vỏ:..... Số người có thể chở:..... người
 Chiều dài lớn nhất:.....(m) Sức kéo, đẩy..... tấn
 Chiều rộng lớn nhất:.....(m)
 Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....
 Máy phụ (nếu có):
 Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại):.....
(cá nhân hoặc tổ chức).....
 Địa chỉ :
 Thời gian (mua, tặng, đóng)..... ngày..... tháng năm
 Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm....
 Nay đề nghị đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương
cấp phường, xã

(Nội dung: Xác nhận ông, bà đăng ký ngày tháng năm
hộ khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

CHỦ PHƯƠNG TIỆN

(2)

(Ký tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

BM-QT-21/GTĐTND 21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

Loại phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: ($L_{max} \times B_{max} \times D \times d$) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):...../.....(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:..... tấn.

b) Sức chở người:..... người.

Tình trạng thân vỏ:.....

Tình trạng hoạt động của máy:

Vạch dấu mốc nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:...mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20.....

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Thủ tục 23. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

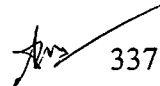
+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

 337

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tính năng kỹ thuật:

Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả).

- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tên:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

b) Đối với phương tiện thủy nội địa đăng ký hoạt động tại khu vực Hồ Tây. Ngoài hồ sơ quy định tại mục a, cần phải có:

- Giấy phép hoạt động du lịch, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao trên hồ do UBND quận Tây Hồ cấp (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bản chấp thuận của UBND quận Tây Hồ về việc cho phép phương tiện thủy nội địa hoạt động trên Hồ Tây, trên cơ sở số lượng, chủng loại phương tiện đã quy định (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 70.000 VNĐ/Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:
do..... cấp ngày tháng năm
Công dụng: Ký hiệu thiết kế:
Năm và nơi đóng:
Cấp tàu: Vật liệu vỏ:
Chiều dài thiết kế:m Chiều dài lớn nhất:m
Chiều rộng thiết kế:.....m Chiều rộng lớn nhất:.....m
Chiều cao mạn:m Chiều chìm:m
Mạn khô: m Trọng tải toàn phần:.....tấn
Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:tấn
Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):Máy phụ
(nếu có):
Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do:

(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

Loại phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: (L_{max} x B_{max} x D x d) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):...../.....(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:..... tấn.

b) Sức chở người:..... người.

Tình trạng thân vỏ:.....

Tình trạng hoạt động của máy:

Vạch dầu mớn nước an toàn đã được sơn (kê) trên hai mạn và mạn khô còn:...mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phân ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

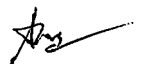
....., ngày tháng năm 20.....

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



Thủ tục 24. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:



- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả):

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Đối với phương tiện thủy nội địa đăng ký hoạt động tại khu vực Hồ Tây. Ngoài hồ sơ quy định tại mục a, cần phải có:

- Giấy phép hoạt động du lịch, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao trên hồ do UBND quận Tây Hồ cấp (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bản chấp thuận của UBND quận Tây Hồ về việc cho phép phương tiện thủy nội địa hoạt động trên Hồ Tây, trên cơ sở số lượng, chủng loại phương tiện đã quy định (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 70.000 VNĐ/Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

- Kính gửi:**
- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
.....
 - Trụ sở chính: (1)
.....
 - Điện thoại: Email:
.....

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

- Tên phương tiện: Số đăng ký:
- Công dụng: Ký hiệu thiết kế:
- Năm và nơi đóng:
- Cấp tàu: Vật liệu vỏ:
- Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m
- Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m
- Chiều cao mạn: m Chiều chìm:
- Mạn khô: tấn Trọng tải toàn phần:
- Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn
- Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):
- Máy phụ (nếu có):
- Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):
- từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)

Handwritten signature

Địa chỉ:

.....

Đã đăng ký tại ngày tháng
năm...

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện
trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp
hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký
tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có
đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

AP2

Thủ tục 25. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả):

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Đối với phương tiện thủy nội địa đăng ký hoạt động tại khu vực Hồ Tây. Ngoài hồ sơ quy định tại mục a, cần phải có:

- Giấy phép hoạt động du lịch, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao trên hồ do UBND quận Tây Hồ cấp (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bản chấp thuận của UBND quận Tây Hồ về việc cho phép phương tiện thủy nội địa hoạt động trên Hồ Tây, trên cơ sở số lượng, chủng loại phương tiện đã quy định (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 70.000 VNĐ/Giấy chứng nhận.



9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các
đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)
.....

- Điện thoại: Email:
.....

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:
.....

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:
m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất:
.....m

Chiều cao mạn:m Chiều chìm:
.....m

Mạn khô:m Trọng tải toàn phần:

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):
.....

Máy phụ (nếu có):
.....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):
.....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)
.....

Địa chỉ:

Đã đăng ký tại ngày tháng
năm...

Nay đề nghị—đăng ký lại phương tiện
trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

 350

Thủ tục 26. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả):

b) Đối với phương tiện thủy nội địa đăng ký hoạt động tại khu vực Hồ Tây. Ngoài hồ sơ quy định tại mục a, cần phải có:

- Giấy phép hoạt động du lịch, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao trên hồ do UBND quận Tây Hồ cấp (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bản chấp thuận của UBND quận Tây Hồ về việc cho phép phương tiện thủy nội địa hoạt động trên Hồ Tây, trên cơ sở số lượng, chủng loại phương tiện đã quy định (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 70.000 VNĐ/Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

.....

- Trụ sở chính: (1)

.....

- Điện thoại: Email:

.....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:

.....

do cấp ngày tháng năm

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế:

Cấp tàu:

.....

Công dụng:

Vật liệu vỏ:

.....

Năm và nơi đóng:

.....

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:

m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất:

.....m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:

.....m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần:

tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:

.....tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

.....

.....

.....

Máy phụ (nếu có):

.....

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là:

.....

(nêu lý do thay đổi địa chỉ)

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương:

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



Thủ tục 27. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do..

2. Cách thức thực hiện:



- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả):

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 70.000VNĐ/Giấy chứng nhận

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

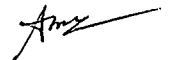
11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1)
.....

- Điện thoại: Email:

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:
.....

do cấp ngày tháng năm
...

Công dụng: Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:

.....m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất:

m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:

.....m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần:

tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:

tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):
.....
.....

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:
.....
.....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm 20.....

 359

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trú sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



Thủ tục 28. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra (nhận lại bản chính khi đến nhận kết quả):

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

b) Đối với phương tiện thủy nội địa đăng ký hoạt động tại khu vực Hồ Tây. Ngoài hồ sơ quy định tại mục a, cần phải có:

- Giấy phép hoạt động du lịch, dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao trên hồ do UBND quận Tây Hồ cấp (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

- Văn bản chấp thuận của UBND quận Tây Hồ về việc cho phép phương tiện thủy nội địa hoạt động trên Hồ Tây, trên cơ sở số lượng, chủng loại phương tiện đã quy định (01 bản phô tô kèm bản chính để đối chiếu).

c) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 70.000 VNĐ/Giấy chứng nhận.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Quyết định 92/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý hồ Tây.


LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

*(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác
sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)*

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu
- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây:
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa
với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Ký hiệu thiết kế:

Công dụng:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:m

Chiều rộng thiết kế:..... m Chiều rộng lớn nhất:.....m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần:....tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có):

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có): ngày tháng năm 20.....

Do cơ quan cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.....

.....do cơ quan cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm 20.....

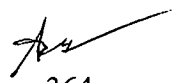
Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày.....tháng.....năm 20....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

Loại phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: (L_{max} x B_{max} x D x d) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):...../.....(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:..... tấn.

b) Sức chở người:..... người.

Tình trạng thân vỏ:.....

Tình trạng hoạt động của máy:

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:...mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20.....

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)



Thủ tục 29. Xóa đăng ký phương tiện

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định.

- Cơ quan đăng ký phương tiện bao gồm:

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

+ Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

+ Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

+ Cấp xã, phường, thị trấn:

- Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

- Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định

+ Cơ quan đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ; cơ quan đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 8 được tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện quy định tại khoản 4 Điều 8.

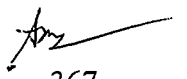
b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:



- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa.
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:
- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

.....
- Trụ sở chính: (1)

.....
- Điện thoại: Email:

.....
Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

.....
Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

.....
Năm và nơi đóng:

.....
Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

.....
Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:

.....m
Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất:

m
Chiều cao mạn: m Chiều chìm:

.....m
Mạn khô: m Trọng tải toàn phần:

tấn
Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:

.....tấn
Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

.....
.....
Máy phụ (nếu có):

.....
Nay đề nghịxóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký

.....
Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.



....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



Thủ tục 30. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức có nhu cầu đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn trong thời hạn 03 (ba) ngày phải tiến hành kiểm tra thực tế; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở dạy nghề và lập biên bản thẩm định theo quy định tại Phụ lục X của Thông tư này.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở dạy nghề. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận của cơ sở dạy nghề;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao Giấy chứng nhận an toàn phòng chống cháy nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy theo mẫu kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

- Các giấy tờ về sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; phương tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định..

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;



b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tiêu chuẩn chung đối với phòng học

- Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt 48 m², định mức chung phải đạt ít nhất 1,5 m²/học sinh.

- Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo.

- Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi trường bị ô nhiễm.

- Có đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với các phòng học chuyên môn

- Phòng học ngoại ngữ: có hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá.

- Phòng học tin học: có ít nhất 05 máy vi tính đang hoạt động, được lắp đặt trên các bàn chuyên dùng.

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa:

+ Có sa bàn đắp nổi hoặc sơ đồ khu vực luồng điển hình, mô hình hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa phục vụ cho việc giảng dạy các tình huống khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông;

+ Có các bản vẽ về báo hiệu đường thủy nội địa, bản đồ hệ thống sông ngòi và các tuyến đường thủy nội địa Việt Nam;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

- Phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa:

+ Có mô phỏng hoặc tối thiểu là mô hình hệ thống điều khiển;

+ Có đồ dùng, thiết bị để giảng dạy thao tác cơ bản về hệ thống điều khiển đủ số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

- Phòng học lý thuyết máy - điện:

+ Có mô hình, các bản vẽ chi tiết máy, các thiết bị đo lường về thông số máy;

+ Có bảng điện tàu thủy, các thiết bị đo điện;

+ Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư này.

- Phòng học thủy nghiệp cơ bản: các thiết bị, hiện vật phục vụ giảng dạy, học tập có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư này.

c) Tiêu chuẩn đối với xưởng thực hành

- Xưởng thực hành nguội:

+ Diện tích từ 60 m² trở lên;

+ Các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

- Xưởng thực hành máy - điện - cơ khí:

+ Diện tích từ 60 m² trở lên, các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập;

+ Có các loại máy tàu thủy theo hạng bằng được đào tạo, bồi túc;

+ Có sơ đồ, mô hình hệ thống điện máy tàu và mạng điện trên phương tiện, các thiết bị điện cần thiết trên phương tiện;

+ Thiết bị phục vụ sửa chữa máy tàu thủy có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này.

d) Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Có vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy phương tiện thủy nội địa được Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải đồng ý, có khu vực luồng chạy tàu thuyền được lắp đặt những báo hiệu cần thiết để người học thực hành.

- Có cầu tàu cố định để dạy nghề thuyền trưởng từ hạng nhì trở lên hoặc lắp đặt tối thiểu cầu tạm để dạy nghề thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư và chứng chỉ chuyên môn; có báo hiệu giới hạn vùng nước để các phương tiện thực hành ra vào bến trong các tình huống, có đủ loại cọc bích và đệm chống va phục vụ thực hiện các thao tác nghề nghiệp của thuyền viên.

- Có đủ phương tiện thực hành theo hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM, CCCM). Trong khi thực hành, phương tiện phải treo biển "Phương tiện huấn luyện".

- Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư 57/2014/TT-BGTVT.

- Có địa điểm để người học ngồi quan sát, chờ thực hành.

đ) Tài liệu phục vụ giảng dạy

- Có chương trình, giáo trình đào tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có hệ thống các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học được phê duyệt theo quy định.

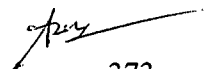
- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

e) Đội ngũ giáo viên

- Bao gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng.

- Cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đủ giáo viên để giảng dạy các môn học theo đúng chương trình quy định, có phân công và công bố lịch lên lớp theo từng học kỳ (đối với chương trình đào tạo) hoặc toàn khoá học (đối với chương trình bồi túc, bồi dưỡng).

- Số giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy từng chương trình.



g) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên

- Đạt trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề theo quy định của Luật Dạy nghề.
- Có phẩm chất, đạo đức tốt.
- Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.
- Lý lịch bản thân rõ ràng.

h) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên

- Giáo viên dạy lý thuyết:

+ Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên đúng chuyên ngành hoặc tương đương chuyên ngành được phân công giảng dạy;

+ Ngoại ngữ trình độ A tiếng Anh trở lên;

+ Tin học trình độ A trở lên.

+ Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ tiếng Anh trở lên.

- Giáo viên dạy thực hành:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng GCNKNCM được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh GCNKNCM hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;

- Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề và chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ DẠY NGHỀ

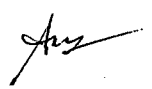
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THAM GIA GIẢNG
DẠY

S T T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO					HÌNH THỨC TUYÊN DỤNG		GH CH
			Văn bằng	Chuyê n môn	Sư phạm	Tin học	Ngoại ngữ	Cơ hữu	Thĩn h giảng	
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
11										
12										
...										

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ SỞ DẠY NGHỀ
(Ký tên, đóng dấu)



Thủ tục 31. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ.

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn 60 ngày, nếu tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn trong thời hạn 03 (ba) ngày phải tiến hành kiểm tra thực tế; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức hoàn thiện lại hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải có văn bản gửi tổ chức yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở dạy nghề và lập biên bản thẩm định theo quy định tại Phụ lục X của Thông tư này.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở dạy nghề. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận của cơ sở dạy nghề;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao Giấy chứng nhận an toàn phòng chống cháy nổ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy theo mẫu kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

- Các giấy tờ về sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; phương tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định..

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:



- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tiêu chuẩn chung đối với phòng học

- Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt 48 m², định mức chung phải đạt ít nhất 1,5 m²/học sinh.
- Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo.
- Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi trường bị ô nhiễm.
- Có đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với các phòng học chuyên môn

- Phòng học ngoại ngữ: có hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá.
- Phòng học tin học: có ít nhất 05 máy vi tính đang hoạt động, được lắp đặt trên các bàn chuyên dùng.
- Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa:
 - + Có sa bàn đắp nổi hoặc sơ đồ khu vực luồng điển hình, mô hình hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa phục vụ cho việc giảng dạy các tình huống khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông;
 - + Có các bản vẽ về báo hiệu đường thủy nội địa, bản đồ hệ thống sông ngòi và các tuyến đường thủy nội địa Việt Nam;
 - + Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.
- Phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa:
 - + Có mô phỏng hoặc tối thiểu là mô hình hệ thống điều khiển;
 - + Có đồ dùng, thiết bị để giảng dạy thao tác cơ bản về hệ thống điều khiển đủ số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.
- Phòng học lý thuyết máy - điện:
 - + Có mô hình, các bản vẽ chi tiết máy, các thiết bị đo lường về thông số máy;
 - + Có bảng điện tàu thủy, các thiết bị đo điện;
 - + Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục III và Phụ lục IV của Thông tư này.
- Phòng học thủy nghiệp cơ bản: các thiết bị, hiện vật phục vụ giảng dạy, học tập có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục V của Thông tư này.



c) Tiêu chuẩn đối với xưởng thực hành

- Xưởng thực hành nguội:

+ Diện tích từ 60 m² trở lên;

+ Các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập, có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

- Xưởng thực hành máy - điện - cơ khí:

+ Diện tích từ 60 m² trở lên, các thiết bị được bố trí khoa học, hợp lý, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc giảng dạy và học tập;

+ Có các loại máy tàu thủy theo hạng bằng được đào tạo, bổ túc;

+ Có sơ đồ, mô hình hệ thống điện máy tàu và mạng điện trên phương tiện, các thiết bị điện cần thiết trên phương tiện;

+ Thiết bị phục vụ sửa chữa máy tàu thủy có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này.

d) Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

- Có vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy phương tiện thủy nội địa được Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải đồng ý, có khu vực luồng chạy tàu thuyền được lắp đặt những báo hiệu cần thiết để người học thực hành.

- Có cầu tàu cố định để dạy nghề thuyền trưởng từ hạng nhì trở lên hoặc lắp đặt tối thiểu cầu tạm để dạy nghề thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư và chứng chỉ chuyên môn; có báo hiệu giới hạn vùng nước để các phương tiện thực hành ra vào bến trong các tình huống, có đủ loại cọc bích và đệm chống va phục vụ thực hiện các thao tác nghề nghiệp của thuyền viên.

- Có đủ phương tiện thực hành theo hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM, CCCM). Trong khi thực hành, phương tiện phải treo biển "Phương tiện huấn luyện".

- Các thiết bị có số lượng tối thiểu và quy cách theo quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư 57/2014/TT-BGTVT.

- Có địa điểm để người học ngồi quan sát, chờ thực hành.

đ) Tài liệu phục vụ giảng dạy

- Có chương trình, giáo trình đào tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có hệ thống các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học được phê duyệt theo quy định.

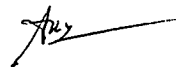
- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

e) Đội ngũ giáo viên

- Bao gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng.

- Cơ sở dạy nghề phải đảm bảo đủ giáo viên để giảng dạy các môn học theo đúng chương trình quy định, có phân công và công bố lịch lên lớp theo từng học kỳ (đối với chương trình đào tạo) hoặc toàn khoá học (đối với chương trình bổ túc, bồi dưỡng).

- Số giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy từng chương trình.



g) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên

- Đạt trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề theo quy định của Luật Dạy nghề.
- Có phẩm chất, đạo đức tốt.
- Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.
- Lý lịch bản thân rõ ràng.

h) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên

- Giáo viên dạy lý thuyết:

+ Phải có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên đúng chuyên ngành hoặc tương đương chuyên ngành được phân công giảng dạy;

+ Ngoại ngữ trình độ A tiếng Anh trở lên;

+ Tin học trình độ A trở lên.

+ Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng ngoại ngữ tiếng Anh trở lên.

- Giáo viên dạy thực hành:

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng GCNKNCM được phân công giảng dạy;

+ Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh GCNKNCM hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;

- Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề và chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ DẠY NGHỀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

S T T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO					HÌNH THỨC TUYÊN DỤNG		GHI CHÚ
			Văn bằng	Chuyên n môn	Sư phạm	Tin học	Ngoại ngữ	Cơ hữu	Thín h giảng	
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
11										
12										
...										

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ DẠY NGHỀ

(Ký tên, đóng dấu)



LawSoft * Tel: +84-8-39303279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Thủ tục 32. Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM), chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục cấp, cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;
- Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ

sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở dạy nghề và lập biên bản thẩm định theo quy định tại Phụ lục X của Thông tư này.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

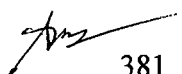
a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;
- 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;
- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 và Điều 20 của Thông tư này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.



5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý giao thông đường thủy nội địa.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000 đồng/lần;
- Lệ phí cấp, chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Cấp GCNKNCM:

- Cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:
 - + Hoàn thành một trong các chương trình đào tạo, bồi túc, bồi dưỡng nghề theo quy định tại Thông tư này.

- + Người có bằng, chứng chỉ nghiệp vụ được cấp trước ngày 01/01/2015, có tên trong sổ cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản tại các cơ sở dạy nghề

- Cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:

- + Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy, nghề máy tàu thủy;

- + Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.

b) Cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.


- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng:

- + Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng 12 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

- + Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng trên 12 tháng đến dưới 24 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

- + Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng từ 24 tháng trở lên, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:



+ Người có GCNKNCM trong thời hạn 03 tháng trước khi GCNKNCM hết hạn hoặc quá thời hạn sử dụng 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.

- Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- GCNKNCM, CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.

- Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.

c) Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp

- Người có bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng được cấp trước ngày 01/01/2015 thì tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp được cấp lại như sau:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì;


+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba;

+ Người có bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ thợ máy được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhất;



+ Người có chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì.

d) Chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư này.

- Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư từ 400 cv trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

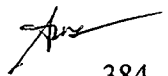
+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng năm đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng năm đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bổ túc máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;



+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng nhỏ trở lên và từ 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:

+ Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc cao đẳng trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung cấp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự học để thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên và từ 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:



- Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;
- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;
- Thông tư số 33/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 8/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp
không quá
06 tháng^(*)

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên tôi là:.....; Quốc tịch.....; Nam (Nữ)

Sinh gày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):.....do

cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa:....., Trường:.....,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:.....ngày.....tháng.....năm.....

theo Quyết định số:....., ngày.....tháng.....năm.....của.....

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

TỪ.....ĐẾN.....	CHỨC DANH	NƠI LÀM VIỆC	SỐ PTTNĐ	GHI CHÚ

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

+ Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM:

+ Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM:

+ Cấp GCNKNCM, CCCM:

+ Cấp lại GCNKNCM, CCCM:

+ Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM:

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp).....cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ và tên)

^(*) 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng.

III. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

Thủ tục 1. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (cơ quan thẩm định thiết kế).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan thẩm định thiết kế tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

- Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành thẩm định thiết kế theo quy định: Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

2. Cách thức thực hiện : Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Hà Nội: số 2 Phùng Hưng - Quận Hà Đông - Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát – Ba Đình – Hà Nội. hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính) theo mẫu;

- 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có thành phần theo quy định;

- Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế);

- Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong phạm vi 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế.

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

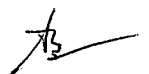
6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Hà Nội

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng quản lý vận tải đường bộ

d) Cơ quan phối hợp: Không có.



7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

8. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định thiết kế: 300.000 đồng/mẫu.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo: 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 102/2008/TT- BTC ngày 11/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải;

- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng linh kiện, xe cơ giới và các loại thiết bị, xe máy chuyên dùng.



Mẫu: Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

(CƠ SỞ THIẾT KẾ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

V/v: thẩm định thiết kế

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải...

Căn cứ Thông tư số/2014/TT-BGTVT ngày/...../2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

(Cơ sở thiết kế) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày .../.../... của (cơ quan cấp); đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

- Tên thiết kế :.....(tên thiết kế).....

- Ký hiệu thiết kế :.....(ký hiệu thiết kế).....

1. Đặc điểm xe cơ giới:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhãn hiệu - số loại:

2. Nội dung cải tạo chính:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)

3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:

ST T	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kg		
6	Số người cho phép chở	người		
7	Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT	kg		
8	Khối lượng toàn bộ CPTGGT	kg		
.....	Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo			

(Cơ sở thiết kế) xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

CƠ SỞ THIẾT KẾ

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)